

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



SIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

(Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101401706 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 21/07/2003, thay đổi lần thứ 14 ngày 27/09/2011)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG VÀ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TỪ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 60/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 17 tháng 8 năm 2015)

TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB

Trụ sở chính: Tầng 8, Số 52 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 4456 8888 Fax: (84-4) 3978 5380

Website: <https://ibx.vn>

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại địa điểm sau từ ngày: ...

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Trụ sở chính: Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 3552 0402 Fax: (84-4) 3552 0401

Website: www.simco.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Bà Phạm Thị Hiếu

Chức vụ: Kế toán trưởng

Điện thoại: (84-4) 3552 0402

Fax: (84-4) 3552 0401

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

(Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101401706 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 21/07/2003, thay đổi lần thứ 14 ngày 27/09/2011)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG VÀ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TỪ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

- ❖ Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Simco Sông Đà
- ❖ Mã chứng khoán: SDA (sàn HNX)
- ❖ Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- ❖ Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- ❖ Giá bán: 10.000 đồng/cổ phiếu
- ❖ Tổng số lượng phát hành: 13.103.258 cổ phiếu
- ❖ Tổng giá trị phát hành: 131.032.580.000 đồng (theo mệnh giá)
- ❖ Đối tượng phát hành:
 - Phát hành 4.367.752 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền 3:1.
 - Chào bán 8.735.506 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 3:2.

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB

Trụ sở chính: Tầng 8, Số 52 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 4456 8888 Fax: (84-4) 3978 5380

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C

Trụ sở chính: Số 02 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. HCM.

Điện thoại: (84-8) 35472972 Fax: (84-8) 35472970

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	6
1. Rủi ro về kinh tế.....	6
2. Rủi ro về luật pháp.....	9
3. Rủi ro đặc thù.....	10
4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	11
5. Rủi ro pha loãng.....	13
6. Rủi ro về quản trị công ty và cơ chế quản lý phát sinh từ việc quy mô vốn của công ty tăng nhanh dự kiến từ 131.032.580.000 đồng lên 262.065.160.000 đồng năm 2015 – 2016.	15
7. Rủi ro đầu tư tài chính	15
8. Rủi ro khác.....	16
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	17
1. Tổ chức phát hành.....	17
2. Tổ chức tư vấn	17
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	18
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	19
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	19
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	21
3. Bộ máy quản lý của Công ty.....	23
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông của Công ty.....	24
5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành	25
6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty.....	27
7. Hoạt động kinh doanh	28
8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất.....	34
9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	41

10.	Chính sách đối với người lao động.....	44
11.	Chính sách cổ tức.....	46
12.	Tình hình tài chính.....	47
13.	Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.....	52
14.	Tài sản.....	66
15.	Kế hoạch lợi nhuận cổ tức năm tiếp theo	67
16.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	68
17.	Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của tổ chức phát hành	69
18.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán.....	69
V.	CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH.....	70
1.	Loại cổ phiếu:	70
2.	Mệnh giá:	70
3.	Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành.....	70
4.	Giá chào bán dự kiến:	70
5.	Phương pháp tính giá:.....	70
6.	Phương thức phân phối.....	71
7.	Thời gian phân phối cổ phiếu	72
8.	Đăng ký mua cổ phiếu	74
9.	Phương thức thực hiện quyền	75
10.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	75
11.	Các hạn chế có liên quan đến chuyển nhượng.....	75
12.	Các loại thuế có liên quan.....	76
13.	Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu.....	77
VI.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	78
1.	Mục đích chào bán.....	78
2.	Phương án khả thi	78
VII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	86
1.	Tổng nguồn vốn dự kiến thu được từ đợt phát hành và chào bán cổ phiếu.....	86

2.	Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán.....	86
3.	Chi tiết kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán:.....	87
4.	Phương án xử lý trong trường hợp đợt chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến:.	88
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....		89
1.	Tổ chức kiểm toán	89
2.	Tổ chức tư vấn	89
IX. PHỤ LỤC.....		90

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Các nhân tố có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và/hoặc giá cả chứng khoán của Công ty.

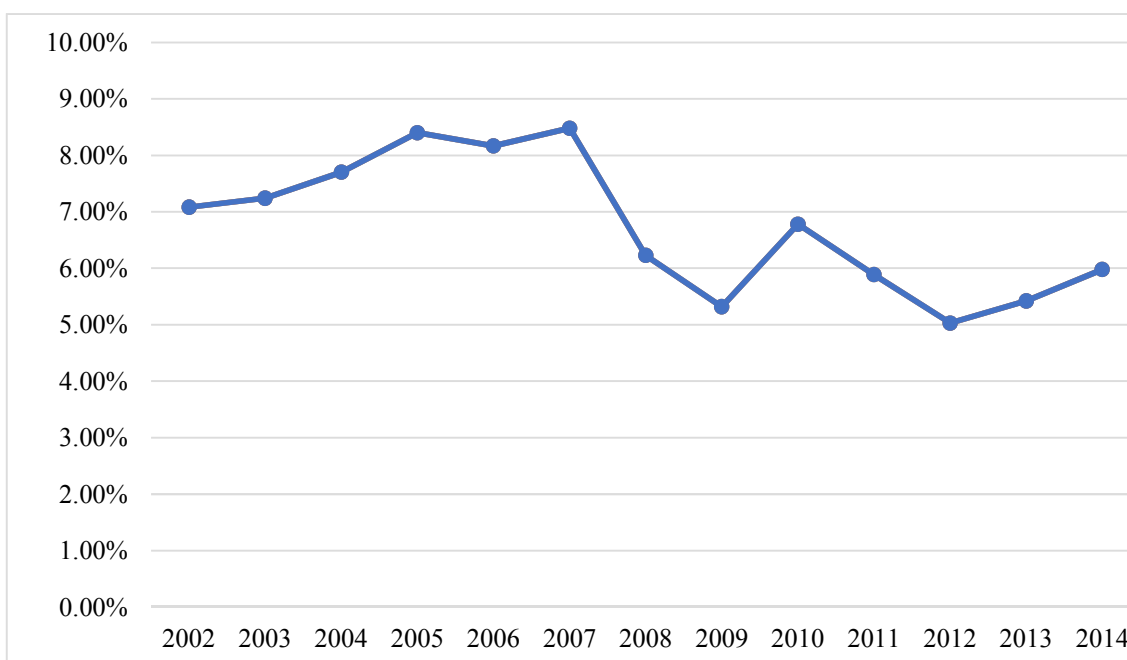
1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế sẽ tác động đến mọi lĩnh vực, ngành nghề và đối tượng trong nền kinh tế, trong đó có Công ty Cổ phần Simco Sông Đà. Các chỉ số kinh tế vĩ mô chính thường được sử dụng để đánh giá sự phát triển của nền kinh tế một quốc gia bao gồm: tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái....

1.1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực trong xã hội. Tăng trưởng kinh tế sẽ làm tăng nhu cầu chi tiêu trong xã hội, thúc đẩy gia tăng sản lượng công nghiệp, tăng đầu tư của cá nhân và pháp nhân trong nền kinh tế.

Biểu 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP qua các năm 2002 – 2014



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tốc độ tăng trưởng ngành kinh doanh chịu tác động của tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế và tốc độ tăng trưởng của ngành. Do hoạt động kinh doanh mũi nhọn của Simco Sông Đà là xuất khẩu lao động và kinh doanh bất động sản, nên Công ty sẽ chịu tác động trực tiếp từ tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam.

Theo báo cáo của Quỹ tiền tệ quốc tế dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong 2015 là 3,5% và sẽ tăng lên 3,8% trong năm 2016. Con số này phản ánh sự tăng trưởng ở các nền kinh tế phát triển, bù đắp sự sụt giảm tăng trưởng ở các nước đang phát triển và thị trường mới nổi. Báo cáo ghi nhận tăng trưởng toàn cầu trong năm 2015 được thúc đẩy bởi sự phục hồi của các nền kinh tế phát triển, dự báo sẽ tăng từ 1,8% trong năm 2014 lên 2,4% năm 2015 do sự suy giảm giá dầu.

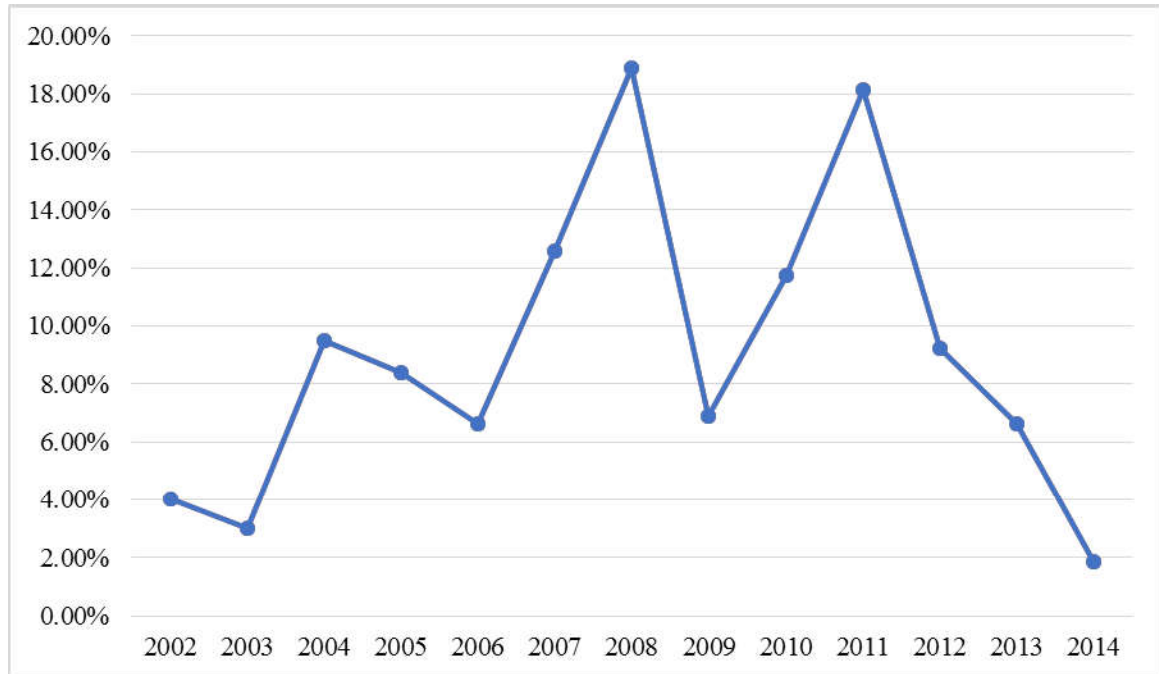
Tại Việt Nam, theo số liệu do Tổng Cục Thống kê công bố, năm 2014 là năm đầu tiên trong kế hoạch 5 năm (2011-2015) kể từ 2011 đến nay, tăng trưởng kinh tế không chỉ về đích mà còn vượt kế hoạch. So với kế hoạch chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế 5,8% mà Quốc hội đưa ra thì năm 2014 đạt 5,98% quả là con số đáng mừng cho nền kinh tế Việt Nam. Mức tăng trưởng năm 2014 cao hơn mức tăng 5,25% của năm 2012 và mức tăng 5,42% của năm 2013 cho thấy dấu hiệu tích cực của nền kinh tế. Trong mức tăng 5,98% của toàn nền kinh tế, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,14%, cao hơn nhiều mức tăng 5,43% của năm trước, đóng góp 2,75 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 5,96%, đóng góp 2,62 điểm phần trăm.

Sự hồi phục của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2014 là cơ sở quan trọng để các chuyên gia kinh tế thống nhất quan điểm và đặt ra mục tiêu tăng trưởng 6,2% trong năm 2015. Trong năm 2015, Việt Nam sẽ sớm thực hiện các cam kết theo các Hiệp định mới ký kết và tham gia Cộng đồng Kinh tế ASEAN, qua đó tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP năm 2015. Tăng trưởng kinh tế quý II/2015 đạt mức 6,28%, cao hơn nhiều so với mức tăng cùng kỳ năm 2014. Đây là mức tăng kỷ lục tính từ năm 2009. Theo dự báo, xu hướng này sẽ tiếp tục trong các quý tiếp theo và mục tiêu tăng trưởng 6,2% cả năm 2015 dự kiến sẽ đạt được.

1.2 Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với biến động của lạm phát.

Biểu 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam qua các năm 2002 - 2014



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Trong giai đoạn 2002 – 2014, tỷ lệ lạm phát qua các năm luôn không ổn định. Diễn hình năm 2008 lạm phát tăng mức cao nhất trong giai đoạn 2002 - 2012 lên đến 18,9% gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của nền kinh tế, giá cả leo thang, các doanh nghiệp huy động vốn với lãi suất cao, chi phí tài chính tăng dẫn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh suy giảm. Với các chính sách điều hành sát sao của Chính phủ theo định hướng thắt chặt chính sách tiền tệ - tài khóa đã kiểm soát được lạm phát, đưa mức lạm phát về mức 9,21% trong năm 2012, 6,60% trong năm 2013 đặc biệt lạm phát giảm chỉ còn 1,84% năm 2014. Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6 năm 2015 tăng 0,35% so với tháng trước, tăng 1% so cùng kỳ năm trước. CPI 6 tháng đầu năm nay có tốc độ tăng tương đối thấp kể từ năm 2001 lại đây, bình quân mỗi tháng CPI chỉ tăng 0,1%. Sau 6 tháng đầu năm 2015 CPI tăng 0,55% so với cuối năm 2014.

Các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh bất động sản và xây dựng như Công ty Cổ phần Simco Sông Đà luôn chịu tác động trực tiếp từ tỷ lệ lạm phát. Sự biến động của lạm phát trong thời gian qua ảnh hưởng trực tiếp tới giá cả đầu vào, cũng như nhu cầu tiêu thụ sản phẩm đầu ra của Công ty. Để hạn chế rủi ro về lạm phát, Công ty luôn chủ động trong việc ký các hợp đồng cung cấp nguyên nhiên vật liệu đầu vào với các nhà cung cấp truyền thống và có kế hoạch chủ động điều chỉnh giá bán cho khách hàng dựa trên những dự báo về tình hình lạm phát.

1.3 Lãi suất

Hiện nay, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục điều hành chính sách lãi suất theo hướng giảm dần, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ và đặc biệt là lạm phát để giảm mặt bằng lãi suất cho vay, góp phần tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Từ đầu năm 2012 đến nay, mặt bằng lãi suất huy động đã giảm mạnh, từ đó các doanh nghiệp trong nước có thể tiếp cận được vốn vay với chi phí lãi vay rẻ hơn. Từ mức lãi suất trên 20% những năm 2010 – 2011, lãi suất cho vay thời điểm cuối năm 2014 và nửa đầu năm 2015 đã giảm mạnh xuống phổ biến ở mức 9 – 10%/ năm.

Công ty Cổ phần Simco Sông Đà có sử dụng vốn vay ngân hàng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Biến động lãi suất theo xu hướng giảm trong những năm gần đây có tác dụng tích cực, góp phần làm giảm chi phí lãi vay ngân hàng và tăng lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.4 Tỷ giá hối đoái

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ. Do vậy các biến động tỷ giá hối đoái sẽ làm thay đổi chi phí sản xuất (tính ra đồng Việt Nam) của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự chi phối bởi hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật về chứng khoán, các chính sách thuế, các cam kết hội nhập, các luật về người lao

động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, các luật về đất đai, đầu tư, xây dựng... Đồng thời, Công ty cũng chịu ảnh hưởng lớn từ các chính sách Nhà nước như định hướng việc đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại nước ngoài, định hướng phát triển ngành bất động sản, những ưu đãi, khuyến khích hay hạn chế, các chính sách về thuế. Bất kỳ một sự thay đổi nào trong các chính sách trên đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, gây ra biến động trong lợi nhuận.

Tuy nhiên, hiện nay hệ thống Pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra, sự thay đổi có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, để hạn chế rủi ro này, Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật kịp thời những thay đổi trong môi trường pháp luật để định hoạt động kinh doanh cho phù hợp.

3. Rủi ro đặc thù

3.1 Rủi ro liên quan đến hoạt động xuất khẩu lao động

Một trong những lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là xuất khẩu lao động. Trong thời gian gần đây, tình trạng lao động bỏ trốn là vấn đề nổi cộm không chỉ đối với các Công ty làm dịch vụ xuất khẩu người lao động mà còn đối với các Ban ngành chức năng.

Hoạt động trong lĩnh vực này tiềm ẩn rủi ro bị phá vỡ các hợp đồng xuất khẩu lao động, giảm doanh thu và uy tín của Công ty đối với các bạn hàng nước ngoài. Việc lao động bỏ trốn không những gây tổn thất, thiệt hại cho chủ sử dụng lao động mà còn làm giảm uy tín của doanh nghiệp xuất khẩu lao động, có nguy cơ làm mất thị trường xuất khẩu lao động, dẫn đến mất cơ hội kinh doanh của các Công ty hoạt động trong lĩnh vực này.

Tuy nhiên, Chính phủ Việt Nam và các doanh nghiệp đang áp dụng các biện pháp như giáo dục, đào tạo, cam kết vật chất để hạn chế rủi ro trên. Hiện nay, công tác đào tạo tay nghề, giáo dục định hướng của Công ty đối với những lao động trước khi xuất cảnh đang được thực hiện rất có hiệu quả. Điều này đã hạn chế một phần rủi ro cho Công ty.

3.2 Rủi ro liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản

Kinh doanh bất động sản cũng là một trong những ngành kinh doanh mũi nhọn của Công ty. Do đặc thù của ngành này, các công trình thi công thường kéo dài qua nhiều năm, thời gian quyết toán, hoàn thiện hồ sơ thi công giữa các bên và thời gian thanh toán các công trình, hạng mục công trình kéo dài. Đặc điểm này tiềm ẩn rủi ro tài chính và khả năng trả nợ của Công ty khi gặp điều kiện thị trường không thuận lợi, khách hàng chậm hoặc mất khả năng thanh toán, hoặc khi các công trình thi công bị thiệt hại do các nguyên nhân khách quan,... Để giảm thiểu rủi ro này, công ty sẽ đánh giá kỹ các công trình thực hiện, theo dõi chặt chẽ chi phí dự án và đẩy mạnh công tác thu nợ từ khách hàng.

4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

4.1 Rủi ro của đợt chào bán

Trong đợt phát hành này, Công ty Cổ phần Simco Sông Đà dự kiến phát hành thêm 4.367.752 cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 3:1 và chào bán 8.735.506 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua theo tỷ lệ 3:2 với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu. Giá giao dịch của cổ phiếu SDA trên thị trường bình quân trong tháng 6 – tháng 7 năm 2015 là 10.551 đồng/cổ phiếu. Như vậy, nếu thị trường chứng khoán tiếp tục có những diễn biến ổn định và phục hồi trong thời gian tới thì Công ty sẽ hạn chế được rủi ro do cổ đông từ chối thực hiện quyền mua.

Trong trường hợp cổ đông không thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm, ĐHCĐ Công ty đã ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định phân phối cho các đối tượng khác (kể cả các cổ đông của Công ty có nhu cầu tăng sở hữu cổ phần) theo những điều kiện phù hợp với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Đồng thời, Hội đồng quản trị Công ty được quyền xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gia hạn thời gian chào bán nếu thấy cần thiết.

Trong trường hợp tiếp tục phân phối cho các đối tượng khác nhưng vẫn không phân phối hết thì Công ty thực hiện tăng vốn theo số lượng vốn góp thực tế của các cổ đông và các nhà đầu tư. Số vốn còn thiếu sẽ được huy động từ các nguồn vốn khác.

4.2 Rủi ro của dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Kế hoạch sử dụng số vốn thu được từ đợt chào bán của Công ty như sau:

Bảng 01: Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Lấy từ số tiền thu được từ chào bán cho cổ đông hiện hữu	Lấy từ nguồn nguồn vốn chủ sở hữu đến 31/12/2014	Cộng
1	Đầu tư dự án khai thác mỏ Mông Sơn VII và xây dựng nhà máy nghiền bột đá hoa trắng tại Yên Bái	5.000.000.000	-	5.000.000.000
2	Dự án đầu tư, khai thác và chế biến đá marble mỏ Nayputaung – Rakhine - Myanmar	35.355.060.000	43.677.520.000	79.032.580.000
3	Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	47.000.000.000	-	47.000.000.000
	Tổng cộng	87.355.060.000	43.677.520.000	131.032.580.000

Các dự án trên đã được Công ty khảo sát, nghiên cứu kỹ lưỡng về hiệu quả kinh tế, tính khả thi cũng như lên dự toán chi phí. Tuy nhiên quá trình triển khai có thể gặp những rủi ro liên quan đến tính pháp lý dự án như: thủ tục hành chính phức tạp, thời gian xin cấp phép kéo dài,...Ngoài ra, sau khi xong thủ tục, quá trình thực hiện dự án cũng có thể gặp những rủi ro liên quan đến việc triển khai máy móc thiết bị và công tác giải phóng mặt bằng, dẫn đến tiến độ của dự án không theo kế hoạch dự kiến, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế và tính khả thi của các dự án này.

Tỷ lệ chào bán thành công dự kiến là 100%. Trường hợp đợt chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến, phần vốn còn thiếu, Công ty dự kiến sẽ huy động từ các nguồn vốn khác để thực hiện các nội dung trong kế hoạch sử dụng vốn.

5. Rủi ro pha loãng

Trong đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm: (i) thu nhập ròng trên mỗi cổ phần – EPS (Earning Per Share) và giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần, (ii) tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết; (iii) giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm.

(i) Về EPS và giá trị sổ sách

Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Công ty sẽ có ảnh hưởng đến chỉ số EPS cũng như giá trị sổ sách của Công ty, cụ thể như sau:

- Thu nhập ròng trên mỗi cổ phần – EPS:

Lợi nhuận sau thuế TNDN

$$\text{Công thức tính: EPS (cơ bản)} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN}}{\text{Số lượng cổ phần đang lưu hành}}$$

- Số lượng cổ phần đang lưu hành của SDA (1): 13.103.258
- Số lượng cổ phần phát hành thêm của SDA (2): 13.103.258
- Tỷ lệ số cổ phần phát hành thêm/số cổ phần đang lưu hành 100%
- Số lượng cổ phần lưu hành dự kiến (3)=(1)+(2): 26.206.516 sau khi phát hành
- Số lượng cổ phần lưu hành bình quân năm 2015: 19.654.887
(4)={ (1) + (3) } / 2
- Lợi nhuận sau thuế năm 2015 dự kiến (đồng) (5): 39.898.000.000 đồng
- EPS trước khi chào bán (6)=(5)/(1): 3.044 đồng/cổ phiếu
- EPS sau khi chào bán (7)=(5)/(4): 2.030 đồng/cổ phiếu

- Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần
Công thức tính:

$$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần} = \frac{\text{Tổng TS – Nợ phải trả - TS vô hình}}{\text{Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

$$\begin{aligned} & \text{(tại thời điểm 31/12/2014)} & = & \frac{190.640.130.326}{13.103.258} \\ & & & = 14.549 \text{ (đồng/cổ phần)} \end{aligned}$$

Tại thời điểm 31/12/2014, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của Công ty là 14.549 đồng. Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần sau đợt chào bán thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm.

(ii) Về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt chào bán này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông có).

(iii) Về giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm

Tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm, giá thị trường của cổ phiếu SDA sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{tc} = [PR_{t-1} + (I1 \times PR1) + (I2 \times PR2)] / (1+I1+I2) = [14.000 + (2/3 \times 10.000) + (1/3 \times 0)] / (1+2/3+1/3) = 10.333 \text{ đồng/cp}$$

Trong đó:

- P_{tc} : là giá tham chiếu cổ phiếu trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm.
- PR_{t-1} : 14.000 đồng/cổ phiếu (Giá giả định của SDA tại ngày giao dịch trước ngày giao dịch không hưởng quyền).
- $I1$: là tỷ lệ vốn tăng theo phát hành quyền mua cổ phiếu ($I1 = 2/3$)
- $PR1$: 10.000 đồng/cổ phiếu (giá chào bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phiếu chào bán thêm).
- $I2$: Tỷ lệ vốn tăng do phát hành thêm cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu ($I2 = 1/3$)
- $PR2$: 0 đồng/cổ phiếu (giá cổ phiếu tính cho người được nhận cổ phiếu phát hành thêm từ nguồn các quỹ)

6. Rủi ro về quản trị công ty và cơ chế quản lý phát sinh từ việc quy mô vốn của công ty tăng nhanh dự kiến từ 131.032.580.000 đồng lên 262.065.160.000 đồng năm 2015 – 2016.

6.1 Rủi ro về quản trị Công ty

Quản trị công ty tốt có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp. Quản trị công ty liên quan đến mối quan hệ giữa Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, các cổ đông và những bên có quyền lợi liên quan tạo nên định hướng và sự kiểm soát công ty.

Chủ trương của Công ty khi tăng vốn là phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Nhưng do tỷ lệ thực hiện quyền cao (tỷ lệ 3:2) nên khả năng cổ đông hiện hữu không mua hết là điều có thể xảy ra.

Khi đó, số lượng cổ phiếu còn dư sẽ do HĐQT Công ty quyết định phân phối cho những đối tượng khác theo những điều kiện phù hợp. Sự tham gia của các cổ đông mới sẽ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu, xuất hiện những quan điểm khác biệt trong quản trị điều hành và có thể phát sinh các xung đột lợi ích dẫn đến việc quản trị điều hành Công ty gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh và định hướng phát triển của Công ty.

6.2 Rủi ro về cơ chế quản lý

Cơ chế quản lý của Công ty hiện được xây dựng dựa trên quy mô vốn điều lệ hiện tại với các ngành nghề sản xuất kinh doanh truyền thống. Việc tăng vốn lên gấp hai lần từ 131.032.580.000 đồng lên dự kiến 262.065.160.000 đồng sẽ tạo nên những áp lực lớn hơn, đòi hỏi Công ty có thể phải điều chỉnh định hướng hoạt động và mở rộng thêm lĩnh vực kinh doanh để đem lại hiệu quả tương ứng với quy mô vốn mới. Khi đó, Công ty có thể gặp rủi ro trong quá trình triển khai hoạt động do cơ chế quản lý cũ không theo kịp với yêu cầu phát triển mới. Điều này có thể ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và sự phát triển của Công ty trong tương lai.

7. Rủi ro đầu tư tài chính

Trong các công ty liên kết, Công ty Cổ phần SIMCO Sông Đà có đầu tư vào Công ty cổ phần Rượu Việt Nam - Thủy Điện (tên gọi tắt là VNS) với tỷ lệ vốn thực góp đến 31/12/2014 là 42,8%. Công ty VNS đã gặp rất nhiều khó khăn ngay từ khi Nhà máy bắt đầu đi vào hoạt động do sản phẩm không thâm nhập được thị trường. Ngày 25/8/2011 Hội đồng quản trị VNS đã có Biên bản họp quyết định tạm dừng hoạt động sản xuất của công ty kể từ ngày 01/9/2011.

Theo Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 của SDA, công nợ phải thu của SDA đối với VNS là 8.085.230.611 đồng, trong đó: tiền gốc là 5.006.330.196 đồng và tiền lãi vay là 3.078.900.415 đồng. Đây là các khoản cho vay vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của VNS. Do hoạt động của VNS không hiệu quả, Công ty cổ phần SIMCO Sông Đà đã trích lập dự phòng 100% giá trị khoản phải thu lãi vay là 3.078.900.415 đồng. Đối với khoản nợ gốc 5.006.330.196 đồng, ngày 28/11/2014 Công ty VNS có công văn số 56b CV/2014/VNS xin gia hạn nợ và cam kết thanh toán 100% số nợ gốc cho Công ty CP SIMCO Sông Đà trước ngày 31/12/2015.

Căn cứ Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Theo đó, điều kiện để trích lập dự phòng phải thu khó đòi là căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra (nợ phải thu chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi).

Với tư cách là cổ đông sáng lập, đồng thời trực tiếp tham gia vào việc đàm phán chuyển giao Công ty VNS cho các đối tác đang quan tâm, Công ty cổ phần SIMCO Sông Đà xác định khoản gốc cho Công ty VNS vay vốn có đủ cơ sở thu hồi. Đối chiếu với các điều kiện về trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính, tại thời điểm 31/12/2014 khoản nợ gốc cho VNS vay 5.006.330.196 đồng không phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

8. Rủi ro khác

Các rủi ro nằm ngoài khả năng dự báo và vượt quá khả năng phòng chống của con người như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh,... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra. Công ty cũng đã xem xét và xây dựng một số kịch bản phòng ngừa rủi ro bất khả kháng nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro cho Công ty và đảm bảo tính hoạt động liên tục.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Ông Chu Minh Tuấn Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Thiện Mỹ Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bà Đặng Thị Thường Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Bà Phạm Thị Hiếu Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB

Đại diện theo pháp luật: Bà Cao Thị Hồng

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán IB tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Simco Sông Đà. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Simco Sông Đà cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Simco Sông Đà
Công ty	Công ty Cổ phần Simco Sông Đà
SDA	Công ty Cổ phần Simco Sông Đà
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
TTCK	Thị trường chứng khoán
Giấy CNĐKKD	Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh
Sở KHĐT	Sở Kế hoạch và Đầu tư
BKS	Ban kiểm soát
CTCP	Công ty cổ phần
BCTC	Báo cáo tài chính
SXKD	Sản xuất kinh doanh
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
ĐVT	Đơn vị tính
VNĐ	Việt Nam Đồng

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 và các văn bản khác có liên quan.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Lịch sử hình thành

Thành lập

Công ty cổ phần Simco Sông Đà tiền thân là Trung tâm Hợp tác lao động nước ngoài Sông Đà được thành lập theo Quyết định số 19/TCT/TCLĐ của Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà vào ngày 31/10/1997. Ngày 05/06/2000, Trung tâm Hợp tác lao động nước ngoài Sông Đà được nâng cấp thành Công ty Cung ứng nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Đà theo Quyết định số 129 TCT/HĐQT của Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà.

Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần

Công ty Cung ứng nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Đà - doanh nghiệp Nhà nước - thành viên Tổng công ty Sông Đà chuyển thành Công ty cổ phần với tên gọi mới là Công ty cổ phần Cung ứng nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Đà. theo quyết định số 627/QĐ- BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng vào ngày 09/5/2003.

Ngày 21/07/2003 Công ty cổ phần Cung ứng nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Đà được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103002544

Niên yết và trở thành công ty đại chúng

Công ty cổ phần Cung ứng nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Đà được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu theo quyết định số 49/QĐ-TTGD của Giám đốc Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 29/11/2006.

Ngày 21 tháng 12 năm 2006 Cổ phiếu của Công ty với mã chứng khoán SDA chính thức được giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. Ngày 18/06/2007 Công ty chính thức đổi tên thành “Công ty cổ phần SIMCO Sông Đà”.

Ngày 29 tháng 06 năm 2007, Công ty cổ phần SIMCO Sông Đà chính thức gửi hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

1.2. Giới thiệu về Công ty

Tên công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ	
Tên viết tắt:	SIMCO SÔNG ĐÀ	
Tên tiếng Anh:	SIMCO SONG DA JOINT STOCK COMPANY	
Trụ sở chính:	Tòa nhà SIMCO Sông Đà – Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội	
Giấy CNĐKKD:	Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101401706 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 21/07/2003, thay đổi lần thứ 14 ngày 27/09/2011	
Vốn điều lệ:	131.034.260.000 đồng	
Vốn thực góp:	131.034.260.000 đồng	
Điện thoại:	(+84-4) 35520402	Fax: (+84-4) 35520401
Website:	www.simco.vn	
Email:	songda@simco.vn	
Logo:		



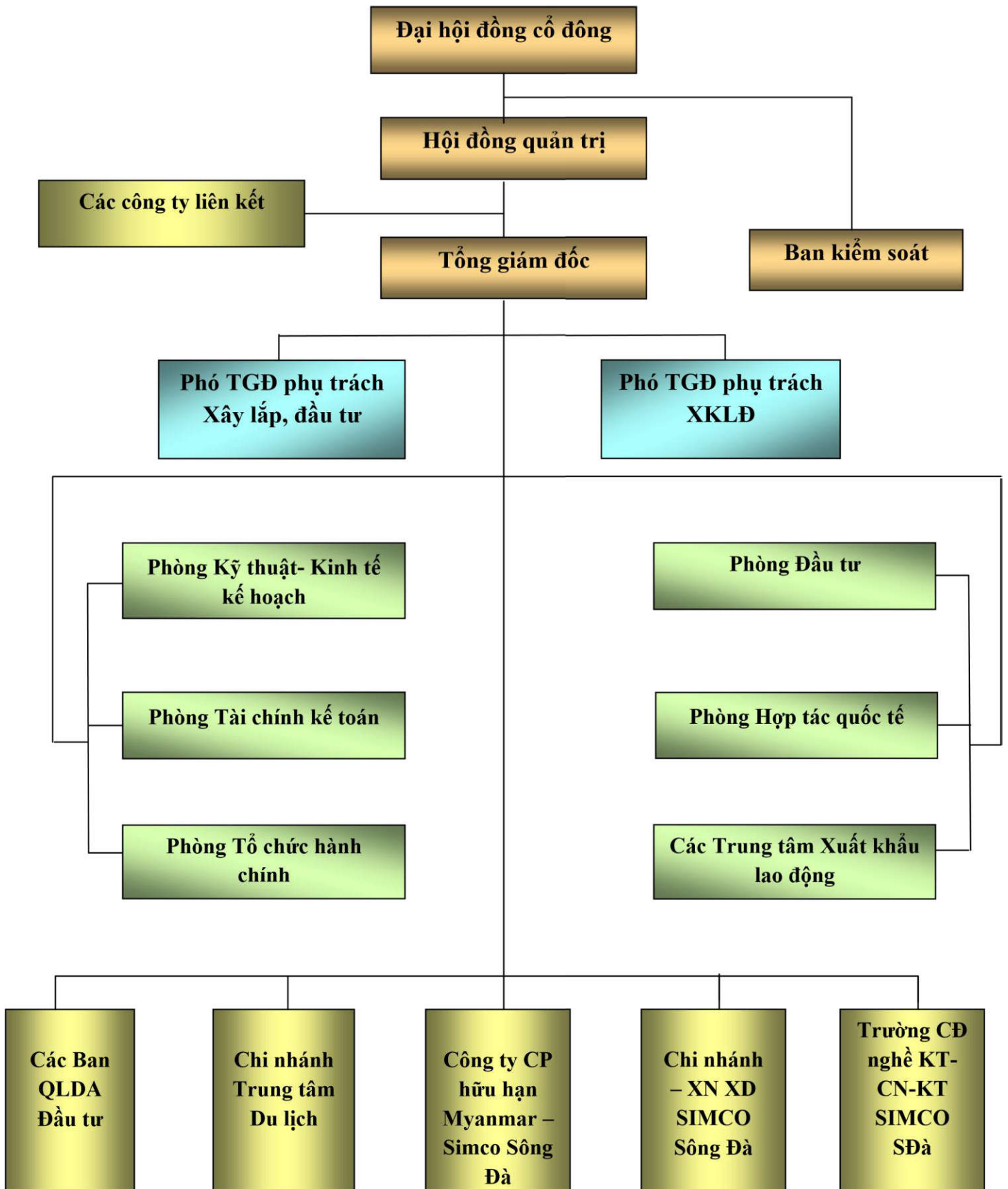
Ngành nghề kinh doanh:

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101401706 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 21/07/2003, thay đổi lần thứ 14 ngày 27/09/2011, ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty như sau:

- Hoạt động xuất khẩu lao động;
- Dịch vụ tư vấn du học;

- Xuất khẩu và kinh doanh: Vật tư, thiết bị công nghệ xây dựng, máy móc thiết bị, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;
- Kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống; Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm gỗ từ tre, nứa;
- Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy; Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh dịch vụ thể thao vui chơi giải trí;
- Kinh doanh máy móc thiết bị, linh kiện điện tử, tin học, máy tính, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị viễn thông, truyền thông, thiết bị điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng;
- Tư vấn thiết kế trang Web, lắp đặt mạng máy tính, thi công mạng điện tử viễn thông (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Dịch vụ quản lý các khu đô thị;
- Thành lập các trung tâm thương mại, trung tâm nghiên cứu ứng dụng phục vụ cho các ngành kinh tế quốc dân trong và ngoài nước;
- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ phần mềm và phát triển công nghệ tin học;
- Tư vấn nghiên cứu ứng dụng phát triển và chuyển giao công nghệ kỹ thuật cao;
- Thiết kế, thi công, lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống mạng và thiết bị máy tính, điện tử, tin học, viễn thông, truyền thông (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị vật liệu điện;
- Sản xuất và kinh doanh nước giải khát, nước khoáng, nước tinh lọc;
- Sản xuất và kinh doanh các loại hóa chất (Trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Nghiên cứu sản xuất một số loại vật liệu xây dựng;
- Buôn bán các mặt hàng về hóa mỹ phẩm (cho cả nam và nữ);
- Mở các trung tâm nuôi dưỡng, chăm sóc người già Việt Nam và người già nước ngoài (không bao gồm dịch vụ khám chữa bệnh);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty



3. Bộ máy quản lý của Công ty

3.1. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, quyết định về đầu tư, kinh doanh, chuyển nhượng, thế chấp giá trị lớn, quyết định về sáp nhập, mua lại hợp nhất, chia tách công ty, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty được quy định chi tiết tại Điều lệ Công ty.

3.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ quyết định chiến lược phát triển của Công ty; xây dựng các kế hoạch phát triển kinh doanh; xây dựng cơ cấu tổ chức; quy chế quản lý; đưa ra các quyết định nhằm đạt được mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Cơ cấu Hội đồng quản trị đương nhiệm:

Ông Chu Minh Tuấn	-	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Thiện Mỹ	-	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Võ Anh Linh	-	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Đức Lương	-	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Đặng Đôn Triển	-	Thành viên Hội đồng quản trị

3.3. Ban kiểm soát

Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, hoạt động điều hành kinh doanh của Giám đốc; trong ghi chép của sổ kế toán và báo cáo tài chính. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với hội đồng quản trị và Ban giám đốc. Cơ cấu Ban kiểm soát đương nhiệm:

Bà Đặng Thị Thường	-	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Hà Quang Nhân	-	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Thái Dũng	-	Thành viên Ban kiểm soát

3.4. Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc là cơ quan điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về toàn bộ việc tổ chức sản xuất kinh doanh, thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty. Ban Tổng Giám đốc gồm:

Ông Nguyễn Thiện Mỹ	-	Tổng Giám đốc - người đại diện theo pháp luật
Ông Nguyễn Ngọc Thạch	-	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Đạt	-	Phó Tổng giám đốc

3.5. Các phòng ban, đội

Các phòng ban, bộ phận trong Công ty thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban giám đốc được hiệu quả và đúng luật.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông của Công ty.

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty:

Bảng 02: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty tại ngày 06/04/2015

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	Pháp Vân, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	1.003.040	7,65

(Nguồn: Công ty Cổ phần Simco Sông Đà)

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101401706 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 21/07/2003, cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần Simco Sông Đà: Không có

4.3. Cơ cấu cổ đông**Bảng 03: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 23/03/2015**

	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/ Vốn cổ phần (%)
1	Cổ đông tổ chức	36	6.860.474	52,3563
	- Trong nước	34	6.827.230	52,1026
	- Nước ngoài	2	33.244	0,2537
2	Cổ đông cá nhân	2.180	6.242.784	47,6424
	- Trong nước	2.132	6.164.687	47,0464
	- Nước ngoài	48	78.097	0,5960
3	Cổ phiếu quỹ	1	168	0,0013
TỔNG CỘNG		2.217	13.103.426	100
<i>Trong đó: - Trong nước</i>		<i>2.167</i>	<i>12.992.085</i>	<i>99,149</i>
<i>- Nước ngoài</i>		<i>50</i>	<i>111.341</i>	<i>0,851</i>

5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

5.1. Công ty mẹ

Không có

5.2. Các Công ty con và công ty liên kết

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty con				
1	Công ty CP hữu hạn Myanmar Simco Sông Đà	Số 99A/2.2, đường Thanlwin, quận Kamayut, khu Yangon	100	100
Công ty liên kết				
1	Công ty CP Khoáng sản Simco-Fansipan	Khu công nghiệp phía Nam, TP Yên Bái, tỉnh Yên Bái	59,99	45
2	Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Lô CN-B3, khu CN Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, HN	32,53	42,8
3	Công ty CP Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	Tầng 05, tòa nhà Simco, khu đô thị Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội	35,83	35
4	Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa	138 Tôn Đức Thắng, TP Pleiku, Gia Lai	31,3	27,48
5	Công ty Cổ phần Logictics Kim Thành	62 Lê Quý Đôn, phường Cốc Lếu, TP Lào Cai	26,94	26,94
6	Công ty CP May xuất khẩu Sông Đà	Phường Tân Thịnh, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	20,97	20,97

5.3. Các Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
1	Công ty CP hữu hạn Myanmar Simo Sông Đà	Số 99A/2.2, đường Thanlwin, quận Kamayut, khu Yangon	100	100%

5.4. Các Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

Không có

6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101401706 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 21/07/2003, mức vốn điều lệ của Công ty là 3.000.000.000 đồng. Tuy nhiên tại thời điểm 31/12/2014, vốn thực góp của Công ty là 131.034.260.000 đồng. Quá trình góp vốn của Công ty từ ngày 21/07/2003 như sau:

Bảng 04 : Quá trình góp vốn điều lệ

Thời điểm	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ (đồng)	Ghi chú
07/2003		3.000.000.000	Vốn điều lệ tại thời điểm cổ phần hoá
09/2004	2.000.000.000	5.000.000.000	Tăng vốn bán cho các cổ đông hiện hữu.
07/2005	5.000.000.000	10.000.000.000	- Tăng vốn từ kết quả kinh doanh năm 2004: 3.509.310.000 đồng - Tăng vốn bán cho các cổ đông hiện hữu: 1.490.690.000 đồng
06/2006	10.000.000.000	20.000.000.000	- Tăng vốn từ kết quả kinh doanh năm 2005: 9.674.540.000 đồng - Tăng vốn bán cho các cổ đông hiện hữu: 325.460.000 đồng
09/2007	50.000.000.000	70.000.000.000	- Tăng vốn từ kết quả kinh doanh năm 2006: 10.000.000.000 đồng - Tăng vốn bán cho các cổ đông hiện hữu: 40.000.000.000 đồng

Thời điểm	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ (đồng)	Ghi chú
10/2008	20.999.890.000	90.999.890.000	- Tăng vốn từ kết quả kinh doanh năm 2007
10/2010	18.199.000.000	109.198.890.000	- Tăng vốn từ kết quả kinh doanh năm 2009
08/2011	21.835.370.000	131.034.260.000	- Tăng vốn từ kết quả kinh doanh năm 2010
Tổng cộng	128.034.260.000	131.034.260.000	

7. Hoạt động kinh doanh

7.1. Lĩnh vực hoạt động của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà

❖ Sản phẩm và dịch vụ chính

Công ty cổ phần Simco Sông Đà hoạt động chính trong lĩnh vực: Xuất khẩu lao động; Kinh doanh bất động sản; Thi công xây lắp các công trình dân dụng; Khai thác và chế biến khoáng sản. Doanh thu và lợi nhuận của Công ty chủ yếu đến từ các hoạt động này.

▪ *Xuất khẩu lao động:*

Hoạt động xuất khẩu lao động của Công ty phù hợp với trình độ lao động của người Việt Nam. Từ khi thành lập tháng 6/2000 đến nay, Công ty đã đưa trên 28.000 lao động và chuyên gia đi làm việc có thời hạn tại 16 quốc gia và vùng lãnh thổ. Tổng số lao động hiện Công ty đang quản lý tại nước ngoài lên tới hơn 8.000 lao động.

Hầu hết số lao động Công ty đưa đi làm việc đều đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, tay nghề, ý thức chấp hành pháp luật tốt. Các hợp đồng ký kết với các đối tác nước ngoài đều được thẩm định trước khi ký kết. Nội dung hợp đồng nêu rõ các cam kết về điều kiện làm việc, thu nhập, sinh hoạt, chi phí môi giới phù hợp với quy định, đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ với các đối tác nước ngoài nhằm xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh giữa người lao động và người sử dụng lao động.

Năm 2014 Công ty đã đưa được 3.752 lao động đi xuất khẩu tại các thị trường, đối tượng là lao động tại các địa phương trong toàn quốc.

Bảng 05: Số lượng lao động xuất khẩu sang các thị trường giai đoạn 2013-2014

STT	Nước tiếp nhận	Số lượng lao động xuất khẩu giai đoạn 2013-2014			
		Năm 2013	%/tổng số	Năm 2014	%/tổng số
1	Đài Loan	2.808	81,7	2.848	75,9
2	Maccan	3	0,1	13	0,3
3	Malaysia	70	2,0	130	3,5
4	Nhật Bản	249	7,2	519	13,8
5	Ả Rập xê út	22	0,6	74	2,0
6	U.A.E	111	3,2	-	-
7	Trung Đông	32	0,9	46	1,2
8	Du học	142	4,1	122	3,3
	Tổng cộng	3.437	100	3.752	100

Nguồn: CTCP SIMCO Sông Đà

▪ **Kinh doanh bất động sản:**

Kinh doanh bất động sản cũng là một trong những ngành kinh doanh mũi nhọn của Công ty. Trong những năm qua tuy còn gặp nhiều khó khăn do thị trường bất động sản của Việt Nam còn trầm lắng và chưa thoát khỏi khủng hoảng, nhưng bằng sự quyết tâm, sáng tạo và đổi mới trong kinh doanh, Công ty đã đạt được nhiều thành công trong lĩnh vực bất động sản. Hoạt động kinh doanh bất động sản vẫn chiếm trên 66% tổng doanh thu của Simco Sông Đà trong năm 2013 và 49% tổng doanh thu trong năm 2014. Hiện nay hoạt động kinh doanh bất động sản của Công ty chỉ tập trung tại hai địa bàn là Hà Nội và Hà Tĩnh. Trong năm 2014, Công ty đang thực hiện đầu tư kinh doanh 02 dự án:

Dự án Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, với diện tích 3,6 ha. Công ty đã hoàn thành giai đoạn II (quỹ đất 15% của dự án với diện tích 2.819 m²) trong năm 2014.

Dự án đường bao Phía Tây, kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị hai bên đường bao phía Tây thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, với quy mô 83,12 ha đã hoàn thành giai đoạn I. Công ty đã bàn giao Dự án cho UBND thành phố Hà Tĩnh đưa vào sử dụng ngày 18/12/2014.

▪ **Khai thác và chế biến khoáng sản:**

Dự án khai thác và chế biến đá marble tại mỏ Nayputaung, thị trấn Taunggok, bang Rakhine, Myanmar với tổng mức đầu tư của Dự án là 18,147 triệu USD tương đương 381 tỷ đồng.

6.2. Cơ cấu doanh thu

Hoạt động kinh doanh tạo doanh thu chính của Công ty là kinh doanh bất động sản. Ngoài ra, các lĩnh vực xuất khẩu lao động, đào tạo dạy nghề cũng góp phần rất lớn vào doanh thu hàng năm của Công ty.

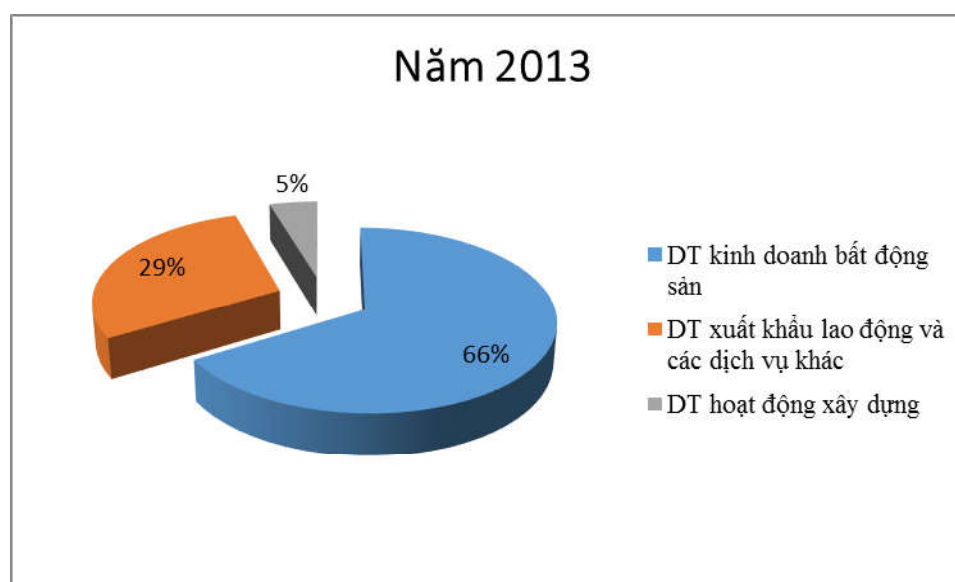
Bảng 06: Cơ cấu doanh thu thuần giai đoạn 2013-2014:

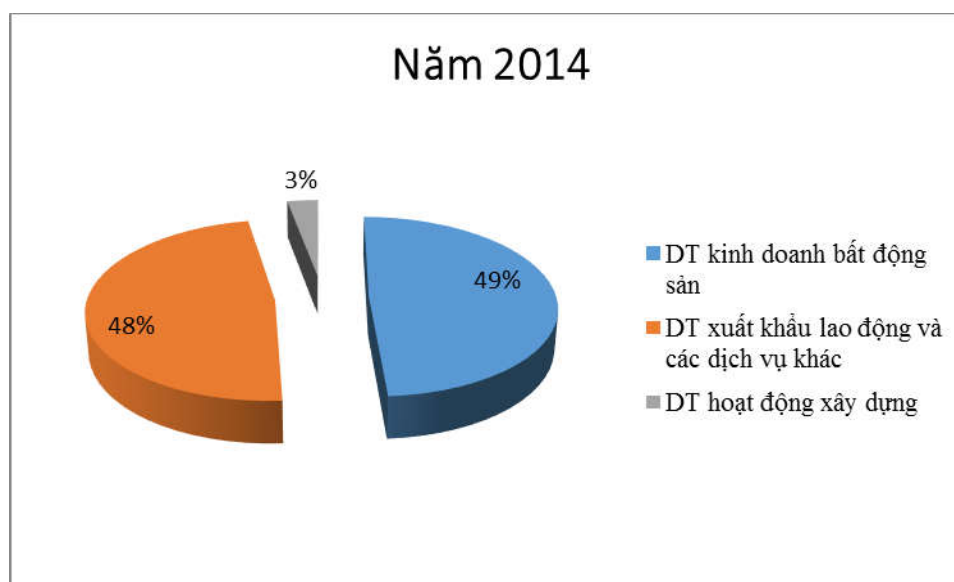
Đơn vị: Nghìn đồng

Sản phẩm dịch vụ	Năm 2013		Năm 2014		6 tháng đầu năm 2015	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
DT kinh doanh bất động sản	63.342.066	66,51%	36.657.648	48,94%	-	-
DT xuất khẩu lao động và các dịch vụ khác	27.479.424	28,85%	35.700.009	47,66%	32.249.150	89,81%
DT hoạt động xây dựng	4.416.383	4,64%	2.540.945	3,39%	3.659.500	10,19%
Tổng cộng	95.237.873		74.898.602		35.908.650	

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2013, 2014 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý II năm 2015 của Công ty)

Cơ cấu doanh thu năm 2013, 2014





7.3. Doanh số Công ty giai đoạn 2013 – 2014:

Bảng 07: Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế 2013, 2014

ĐVT: Nghìn đồng

Khoản mục	2013	2014	% tăng/giảm	6 tháng đầu năm 2015
Doanh thu thuần	95.237.873	74.898.602	(21,35)%	35.908.650
Lợi nhuận sau thuế	5.161.326	7.681.241	48,82%	5.042.519

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2013, 2014 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý II năm 2015 của Công ty)

7.4. Chi phí sản xuất

Quản trị chi phí sản xuất là vấn đề mà Công ty cổ phần Simco Sông Đà quan tâm nhất trong quá trình hoạt động của mình. Công ty có ngành nghề kinh doanh chính là xuất khẩu lao động, tuy nhiên hoạt động kinh doanh bất động sản cũng đóng một vai trò rất quan trọng vào hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó chi phí chủ yếu của Công ty là các chi phí: Chi phí các gói thầu của dự án, chi phí nhân công, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Bảng 08: Cơ cấu chi phí của Công ty và tỷ lệ chi phí/ doanh thu thuần

ĐVT: Nghìn đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		6 tháng đầu năm 2015	
		Giá trị	%/ Doanh thu	Giá trị	%/ Doanh thu	Giá trị	% Doanh thu
I	Doanh thu thuần	95.237.873		74.898.602		35.908.650	
II	Chi phí	84.930.132	89%	77.010.736	103%	31.522.371	88%
1	Giá vốn hàng bán	69.939.895	73%	53.618.494	72%	19.678.855	55%
2	Chi phí tài chính	2.434.845	3%	10.245.352	14%	4.008.176	11%
4	Chi phí quản lý	12.555.392	13%	13.146.890	18%	7.835.340	22%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2013, 2014 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý II năm 2015 của Công ty)

Do một trong những hoạt động kinh doanh chính của SDA thuộc lĩnh vực bất động sản, nên các chi phí về nguyên, nhiên vật liệu đầu vào sản xuất thường rất lớn. Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí của Công ty là giá vốn hàng bán, bình quân 2 năm khoảng 72,5% so với doanh thu thuần.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là chi phí chiếm tỷ trọng lớn thứ hai so với doanh thu thuần, bình quân 2 năm 2013 và 2014 là 15,5%. Chi phí tài chính có xu hướng tăng so với doanh thu thuần, tăng từ 3% năm 2013 lên 14% năm 2014.

7.5. Trình độ công nghệ

Để thực hiện dự án khai thác đá marble, mỏ Nay Pu Taung tại bang Rakhine, Myanmar với công nghệ khai thác tiên tiến nhất thế giới hiện nay do chuyên gia Italy tư vấn và chuyển giao công nghệ, Công ty đã đầu tư các thiết bị khai thác mỏ như sau:

Bảng 09: Danh sách máy móc thiết bị của Công ty

TT	Tên xe máy	Ký mã hiệu	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tải trọng/ dung tích
1	Máy khoan tạo lỗ đường kính 70-90mm	MOD.PP90	2	Italy	2012	
2	Máy khoan đường kính 24mm		1	Italy	2012	

TT	Tên xe máy	Ký mã hiệu	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tải trọng/ dung tích
3	Máy nén khí		1	Italy	2012	11m3/phút
4	Máy cắt đá khối, máy khoan đá thủy lực, máy		1	Italy	2012	7m2/h
5	Máy cắt dây kim cương		6	Italy	2012	12m2/h
6	Máy đào bánh xích KOBELKO	SK 480 LC	1	Nhật Bản		2,0 m3
7	Máy xúc đào lật bánh lốp KAWASAKI	95ZIV	1	Mỹ	2002	5,0 m3
8	Máy bơm nước cao áp		2	Trung Quốc	2012	75kW
9	Máy phát điện chạy dầu diezen		2	Nhật Bản	2012	500kW
10	Xe nâng 15 tấn		1	Hàn Quốc	2012	
11	Máy cắt đá marble		2	Italy	2013	
12	Máy cưa vụn năng		1	Italy	2013	
13	Máy đánh bóng cầm tay		1	Italy	2013	
14	Máy đánh bóng cạnh		1	Italy	2013	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Simco Sông Đà)

7.6. Hoạt động Marketing

Nhận thức được vai trò của công tác thị trường, Công ty chú trọng đẩy mạnh hoạt động marketing, dựa vào thị trường để đưa ra quyết định đầu tư, nhằm chiếm lĩnh thị trường. Đối với hoạt động khai thác khoáng sản, Công ty hướng tới khách hàng là các Tập đoàn, nhà phân phối có uy tín trong khu vực.

Với thị trường xuất khẩu, Công ty tập trung khai thác các thị trường tiếp nhận lao động có mức thu nhập cao so với tiền lương bình quân của lao động Việt Nam như: Nhật Bản, Đài Loan, Malaysia,... và nghiên cứu mở rộng ra thị trường Thái Lan, U.A.E . Lập kế hoạch xây dựng chiến lược thị trường và mạng lưới thông tin quảng cáo tiếp thị, tiêu thụ sản phẩm, đẩy mạnh hợp tác liên doanh, liên kết và quảng bá thương hiệu SIMCO - Sông Đà.

Công ty còn chú trọng nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ tiếp thị đấu thầu, đồng thời yêu cầu cán bộ làm công tác marketing luôn phải cập nhật các thông tin mới. Bên cạnh đó, Công ty trang bị đầy đủ phương tiện cho cán bộ tiếp thị đấu thầu, bộ phận làm hồ sơ thầu, bộ phận nghiên cứu thị trường và lập dự án đầu tư phát triển cho Công ty.

7.7. Biểu tượng của Công ty



7.8. Các hợp đồng đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 10: Danh sách các hợp đồng lớn

STT	Tên Hợp đồng	Thời điểm ký kết	Trị giá (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác
1	Hợp đồng đầu tư dự án đường bao phía tây, kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị hai bên đường bao phía tây thị xã Hà Tĩnh	06/2006	417,5	2006-2015	Bất động sản	UBND thị xã Hà Tĩnh (Cơ quan Nhà nước được uỷ quyền ký hợp đồng)
2	Hợp đồng cung ứng công nhân xây dựng	03/2014	2,4	Từ 2014	XKLĐ	Trung Quốc
3	Thoả thuận tìm kiếm khai thác thị trường	04/2014	18,75	Từ 2014	XKLĐ	Nhật Bản
4	Hợp đồng cung ứng công nhân nhà máy	03/2014	16,89	Từ 2014	XKLĐ	Đài Loan

(Nguồn: Công ty cổ phần Simco Sông Đà)

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và luỹ kế đến quý gần nhất

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và luỹ kế đến quý gần nhất

* **Kết quả hoạt động kinh doanh****Bảng 11: Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh**

ĐVT: Nghìn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng/giảm	6 tháng đầu năm 2015
Tổng giá trị tài sản	334.888.221	365.967.879	9,28%	370.615.466
Doanh thu thuần	95.237.873	74.898.602	-21,36%	35.908.650
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	12.969.526	-1.176.993	-109,08%	6.007.759
Lợi nhuận khác	209.050	5.096.235	2337,81%	48.018
Lợi nhuận trước thuế	7.416.592	8.897.613	19,97%	6.055.777
Lợi nhuận sau thuế	5.161.326	7.681.241	48,82%	5.042.519
EPS	394	586	48,73%	385

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2013, 2014 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý II năm 2015 của Công ty)

Tuy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong các năm biến động không ổn định nhưng lợi nhuận đều có sự cải thiện rõ rệt, lợi nhuận trước và sau thuế năm 2014 đều tăng đáng kể so với kết quả thu được trong năm 2013.

Giá trị tổng tài sản năm 2014 tăng so với năm 2013 chủ yếu là sự tăng lên của các khoản xây dựng cơ bản dở dang, trong khi đó hàng tồn kho lại giảm đi.

* **Ảnh hưởng của các khoản đầu tư ủy thác năm 2013 và năm 2014 đến lợi nhuận của Công ty:**

Trên Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 và năm 2014 đã kiểm toán của Công ty cổ phần SIMCO Sông Đà có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán liên quan đến một số khoản đầu tư ủy thác qua Tổng Công ty Sông Đà. Ảnh hưởng của các khoản đầu tư ủy thác này đến lợi nhuận của Công ty năm 2013 và năm 2014 như sau:

• **Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2013:**

- Lợi nhuận sau thuế theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán: 3.590.592.849 đồng
- Ý kiến ngoại trừ: “*Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, một số khoản đầu tư ủy thác qua Tổng công ty Sông Đà, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng*”

do không thu thập được Báo cáo tài chính của các Công ty này (chi tiết xem thuyết minh báo cáo tài chính số V.15). Với các tài liệu hiện có chúng tôi không thể đánh giá ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đến Báo cáo tài chính tổng hợp”

- Ảnh hưởng đến lợi nhuận trên BCTC tổng hợp năm 2013:

Các khoản đầu tư uỷ thác nêu trên gồm:

- + Đầu tư vào Công ty cổ phần Sắt Thạch Khê. Giá trị: 759.000.000 đồng
- + Đầu tư vào Công ty cổ phần Cao su Phú Riềng – Kraite: 3.300.000.000 đồng
- + Đầu tư vào Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà: 1.100.000.000 đồng.

Trong đó:

- + Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Sắt Thạch Khê, đến ngày 31/12/2014 Tổng công ty Sông Đà đã chuyển trả Công ty cổ phần SIMCO Sông Đà 100% giá trị khoản uỷ thác đầu tư và thu hồi phí uỷ thác đầu tư. Do vậy việc Công ty không trích lập dự phòng đầu tư tài chính tại thời điểm 31/12/2013 không ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.
- + Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Cao su Phú Riềng – Kraite, tại thời điểm lập báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014 Công ty đã thu thập được Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty cổ phần Cao su Phú Riềng – Kraite. Theo Báo cáo tài chính, công ty này đã lỗ lũy kế vượt số vốn đầu tư của chủ sở hữu. Do vậy, Công ty phải trích lập dự phòng 100% giá trị khoản đầu tư. Việc Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2013 của Công ty chưa trích lập khoản dự phòng này làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong kỳ là: 3.300.000.000, đồng.
- + Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà, Công ty đã liên hệ với Tổng công ty Sông Đà (đơn vị nhận uỷ thác khoản đầu tư này) nhưng không nhận được Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà. Do vậy, xét với mức độ thận trọng cao nhất, việc Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2013 của Công ty chưa trích lập khoản dự phòng này có thể làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong kỳ là: 1.100.000.000, đồng.

Tổng hợp ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của ý kiến ngoại trừ: 4.400.000.000 đồng.

Vậy, kết quả kinh doanh không còn ý kiến ngoại trừ là: -809.407.151 đồng.

• **Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013:**

- Lợi nhuận sau thuế theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán: 5.161.326.235 đồng.
- Ý kiến ngoại trừ: *“Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, một số khoản đầu tư uỷ thác qua Tổng công ty Sông Đà, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng do không thu thập được Báo cáo tài chính của các Công ty này; và khoản đầu tư vào Công ty liên kết chưa được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ do Công ty này chưa cung cấp được Báo cáo tài chính năm 2013 (chi tiết xem thuyết minh báo cáo tài chính số V.14 và 18). Với các tài liệu hiện có chúng tôi không thể đánh giá ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất”*

- Ảnh hưởng đến lợi nhuận trên BCTC hợp nhất năm 2013:

Các khoản đầu tư uỷ thác được nêu trên gồm:

- + Đầu tư vào Công ty cổ phần Sắt Thạch Khê. Giá trị: 759.000.000 đồng
- + Đầu tư vào Công ty cổ phần Cao su Phú Riềng – Kraite: 3.300.000.000 đồng
- + Đầu tư vào Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển khu Kinh tế Hải Hà: 1.100.000.000 đồng.

Trong đó:

- + Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Sắt Thạch Khê, đến ngày 31/12/2014 Tổng công ty Sông Đà đã chuyển trả Công ty cổ phần SIMCO Sông Đà 100% giá trị khoản uỷ thác đầu tư và thu hồi phí uỷ thác đầu tư. Do vậy việc Công ty không trích lập dự phòng đầu tư tài chính tại thời điểm 31/12/2013 không ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.
- + Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Cao su Phú Riềng – Kraite, tại thời điểm lập báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014 Công ty đã thu thập được Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty cổ phần Cao su Phú Riềng – Kraite. Theo Báo cáo tài chính, công ty này đã lỗ lũy kế vượt số vốn đầu tư của chủ sở hữu. Do vậy, Công ty phải trích lập dự phòng 100% giá trị khoản

đầu tư. Việc Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 của Công ty chưa trích lập khoản dự phòng này làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong kỳ là: 3.300.000.000, đồng.

+ Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà, Công ty đã liên hệ với Tổng công ty Sông Đà (đơn vị nhận uỷ thác khoản đầu tư này) nhưng không nhận được Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà. Do vậy, xét với mức độ thận trọng cao nhất, việc Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 của Công ty chưa trích lập khoản dự phòng này có thể làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong kỳ là: 1.100.000.000, đồng.

+ Khoản đầu tư vào Công ty liên kết chưa được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ là khoản đầu tư vào Công ty TNHH SIMCO Sông Đà có giá trị: 1.150.000.000 đồng. Ngày 22/5/2014 Công ty đã thực hiện thoái toàn bộ khoản vốn đầu tư này. Tại thời điểm thoái toàn bộ khoản vốn đầu tư, Công ty đã tập hợp được Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty TNHH SIMCO Sông Đà. Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2013 và tỷ lệ sở hữu vốn của Công ty tại Công ty TNHH SIMCO Sông Đà, mức độ ảnh hưởng khi hợp nhất Công ty liên kết này theo phương pháp vốn chủ là: 346.917.559 đồng.

Tổng hợp ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của ý kiến ngoại trừ: 4.746.917.559 đồng.

Vậy, kết quả kinh doanh không còn ý kiến ngoại trừ là: 414.408.676 đồng.

• **Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2014:**

- Lợi nhuận sau thuế theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán: 2.832.119.541 đồng.
- Ý kiến ngoại trừ: *“Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, một số khoản đầu tư uỷ thác qua Tổng công ty Sông Đà, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng do không thu thập được Báo cáo tài chính của các Công ty này (chi tiết xem thuyết minh báo cáo tài chính số V.15). Với các tài liệu hiện có chúng tôi không thể đánh giá ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đến Báo cáo tài chính tổng hợp”*
- Ảnh hưởng đến lợi nhuận trên BCTC tổng hợp năm 2014:

Một số khoản đầu tư uỷ thác được nêu trên thực tế chỉ có một khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà với giá trị: 1.100.000.000 đồng. Công ty đã liên hệ với Tổng công ty Sông Đà (đơn vị nhận uỷ thác khoản đầu tư này) nhưng không nhận được Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà. Do vậy, xét với mức độ thận trọng cao nhất, việc Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2014 của Công ty chưa trích lập khoản dự phòng này có thể làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong kỳ là: 1.100.000.000, đồng.

Vậy, kết quả kinh doanh không còn ý kiến ngoại trừ là: 1.732.119.541 đồng.

• **Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014:**

- Lợi nhuận sau thuế theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán: 7.681.241.084 đồng.
- Ý kiến ngoại trừ: *“Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 Công ty chưa xem xét việc trích lập dự phòng khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà do không thu thập được Báo cáo tài chính của các Công ty này. Với các tài liệu hiện có chúng tôi không thể đánh giá ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất”*
- Ảnh hưởng đến lợi nhuận trên BCTC hợp nhất năm 2014:

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà có giá trị: 1.100.000.000 đồng. Công ty đã liên hệ với Tổng công ty Sông Đà (đơn vị nhận uỷ thác khoản đầu tư này) nhưng không nhận được Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà. Do vậy, xét với mức độ thận trọng cao nhất, việc Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 của Công ty chưa trích lập khoản dự phòng này có thể làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong kỳ là: 1.100.000.000, đồng.

Vậy, kết quả kinh doanh không còn ý kiến ngoại trừ là: 6.581.241.084 đồng.

- * Ngoại trừ ý kiến ngoại trừ chưa trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà, các ý kiến ngoại trừ khác của Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013 đã được Công ty khắc phục trong khi lập Báo cáo tài chính của năm 2014. Do vậy, các ảnh hưởng của ý kiến ngoại trừ trên Báo cáo tài chính năm 2013 không làm ảnh hưởng đến lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2014 của Công ty.

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

a) Những thuận lợi

Việc tìm kiếm, mở rộng quy mô thị trường tiếp nhận lao động và số lượng xuất khẩu lao động nhằm tăng doanh thu và lợi nhuận của Công ty rất thuận lợi và khả thi vì nằm trong chủ trương chung của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

Trong thời gian qua, Công ty đã tích lũy được kinh nghiệm trọng hoạt động xuất khẩu lao động. Cơ cấu tổ chức, bộ máy điều hành của Công ty đã hoạt động ổn định, đội ngũ chuyên môn nghiệp vụ ngày càng vững vàng. Năng lực, hiệu quả kinh doanh của đơn vị đã được khẳng định trong cơ chế thị trường.

Chất lượng lao động Công ty cung cấp sang các thị trường ngày càng đảm bảo trình độ làm việc, tác phong công nghiệp, tay nghề vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, do đó uy tín trong lĩnh vực hoạt động xuất khẩu lao động của Công ty ngày càng được đánh giá cao.

Công ty có lợi thế cạnh tranh so với các doanh nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản là chất lượng sản phẩm. Hiện SDA có một đội ngũ cán bộ kỹ sư có trình độ, có tay nghề cao và đang được chuyên nghiệp hóa để có thể ứng dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến vào hoạt động kinh doanh đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Ngoài ra, Công ty Cổ phần Simco Sông Đà cũng tăng cường mối quan hệ hợp tác với các đối tác có ngành nghề tương đồng để tận dụng kinh nghiệm, lợi thế thương hiệu và cơ sở khách hàng.

b) Những khó khăn

Công ty đang đứng trước một thách thức lớn là sự cạnh tranh về mọi mặt của nền kinh tế thị trường, số lượng các đơn vị cùng hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu lao động và kinh doanh bất động sản ngày càng tăng. Đây là một yếu tố chi phối mọi lĩnh vực hoạt động của Công ty, đòi hỏi Công ty phải chủ động, sáng tạo và luôn có quyết định, giải pháp phù hợp trong sản xuất kinh doanh.

Chất lượng nguồn lao động Việt Nam so với các nước trong khu vực hoạt động đang ở mức thấp cả về ngôn ngữ, kỹ năng làm việc, thể lực, ý thức tác phong công nghiệp, quan hệ chủ thợ trong cơ chế thị trường...

Kinh tế thế giới và trong nước vẫn đang trong tình trạng khó khăn, thị trường bất động sản không ổn định, chưa có dấu hiệu phục hồi rõ rệt. Điều này sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, giá cả các loại nguyên vật liệu có xu hướng tăng, làm tăng chi phí hoạt động, dẫn đến giá thành sản phẩm tăng tương ứng và hệ quả tất yếu sẽ làm giảm lợi nhuận hoạt động của Công ty.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty cổ phần Simco Sông Đà là đơn vị xuất khẩu lao động đầu tiên tại Việt Nam, Công ty có hệ thống đào tạo tiếng Nhật Bản, Đài Loan, Malaysia, Trung Đông chuẩn quốc tế và tự hào tuyên bố là Công ty có số lượng lao động đăng ký lớn nhất trên tất cả các thị trường, cán mốc 10.000 lao động xuất cảnh đến tháng 12/2014.

Đặc biệt, việc xử lý các vấn đề sự vụ phát sinh giữa người lao động và người sử dụng lao động của Công ty luôn kịp thời, chính xác, thoả đáng nên thương hiệu Simco ngày càng có uy tín.

Tại thị trường Malaysia và một số nước tiếp nhận lao động ngành xây dựng, Simco và Vinaconex đang được đánh giá là 2 doanh nghiệp đứng đầu Việt Nam về cung cấp lao động có chất lượng cao.

Công ty thường xuyên duy trì được quan hệ chặt chẽ với trên 100 Công ty đối tác tại các nước Đài Loan, Nhật Bản, Malaysia... Các hợp đồng ký kết với đối tác nước ngoài thường có điều kiện làm việc, thu nhập, sinh hoạt tốt, chi phí môi giới thấp, đảm bảo quyền lợi của người lao động.

Ngoài lĩnh vực xuất khẩu lao động, Công ty đã mạnh dạn mở rộng thêm ngành nghề kinh doanh, chú trọng vào phát triển xây dựng cơ sở hạ tầng kinh doanh bất động sản. Trong những năm gần đây, hoạt động kinh doanh bất động sản và thi công xây lắp luôn chiếm gần 50% trong tổng doanh thu của Công ty. Với sự nỗ lực, sáng tạo không ngừng của Ban lãnh đạo công ty và sự cố gắng của tập thể nhân viên, Công ty cổ phần Simco Sông Đà đã có sự phát triển mạnh mẽ, từng bước khẳng định được vị thế của mình trong cộng đồng các doanh nghiệp xuất khẩu lao động, kinh doanh bất động sản.

9.2. Triển vọng phát triển ngành

Xuất khẩu lao động

Năm 2014 cả nước có trên 105 nghìn lao động đi làm việc ở nước ngoài, đạt 113% kế hoạch. Đây là lần đầu tiên ngành xuất khẩu lao động vượt ngưỡng đưa 100 nghìn lao động đi làm việc ở nước ngoài. Số lao động Việt Nam tại các thị trường trọng điểm truyền thống tăng đáng kể, như: Đài Loan hơn 60 nghìn người (tăng 15 nghìn so với năm 2013); Nhật Bản gần 20 nghìn người (tăng 10,4 nghìn so với năm 2013); Hàn Quốc gần 7 nghìn người, Malaysia gần 5 nghìn người, Arab Saudi gần 4 nghìn người, Qatar gần 1 nghìn người.

Năm 2014 không hoàn toàn là một năm thuận lợi của xuất khẩu lao động. Việt Nam đã phải rút toàn bộ 1.750 lao động ở Libya về nước vào đầu tháng 8 do xung đột chính trị ở đây. Cùng với đó, Hàn Quốc không tái ký thỏa thuận về hợp tác lao động với Việt Nam theo chương trình EPS dẫn đến việc dừng tuyển mới lao động. Dù vậy, đến hết năm, xuất khẩu lao động của nước ta vẫn đạt kỷ lục như đã nêu trên. Theo Hiệp hội Xuất khẩu lao động, nhờ đổ dồn lao động vào khu vực Đông Bắc Á nên việc sụt giảm ở các thị trường Hàn Quốc, Libya, Lào, kể cả Malaysia (5 nghìn người, giảm 30% so với năm 2013), không ảnh hưởng nhiều đến kết quả. Chỉ riêng khu vực này, trong năm qua đã có trên 90 nghìn lao động xuất cảnh, chiếm đến 86% trong tổng số 40 thị trường.

Về xuất khẩu lao động năm 2015, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội cho rằng, cùng với thị trường truyền thống, một số thị trường mới với mức thu nhập cao sẽ mở ra cho lao động nước ta như châu Phi và Trung Đông, bởi Việt Nam sẽ ký kết thỏa thuận trong một số lĩnh vực với Angola và Arab Saudi, tạo điều kiện phát triển việc làm an toàn cho lao động. Thị trường Nhật Bản dự kiến cũng sẽ rộng cửa hơn với lao động Việt Nam. Để chuẩn bị cho Thế vận hội Tokyo tổ chức năm 2020, từ nay đến năm 2020, Nhật Bản dự kiến tiếp nhận số lượng lớn thực tập sinh xây dựng và xem xét việc tiếp nhận lại các thực tập sinh xây dựng đã hoàn thành hợp đồng về nước trước đây. Do đó, trong thời gian tới, các ngành nghề có nhu cầu tuyển dụng cao của thị trường Nhật Bản là xây dựng, cơ khí chế tạo, nông nghiệp, chế biến thực phẩm...

(Nguồn: Theo Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế - Xã hội Quốc gia)

Kinh doanh bất động sản: ngành bất động sản sẽ có triển vọng tích cực hơn từ năm 2015 và các năm sắp tới do các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế Việt Nam đang dần ổn định và bắt đầu có sự tăng trưởng. Sự hấp dẫn của ngành BĐS trong thời gian tới được đánh giá trên cơ sở những chính sách cho ngành đang được nói lỏng và dòng vốn chảy vào thị trường bất động sản đang ngày một mạnh mẽ, cụ thể:

- Lãi suất cho vay vẫn đang có xu hướng giảm, việc này sẽ giúp cho các hoạt động tín dụng cải thiện đáng kể trong thời gian tới. Nhu cầu mua bất động sản sẽ tăng trở lại khi lãi suất về giảm về mức thấp nhất, trong đó, phân khúc xã hội, thu nhập thấp và hạng trung sẽ đạt được mức hấp dẫn.
- Lượng vốn FDI vùng với dòng vốn của các nhà đầu tư nội giải ngân cho thị trường bất động sản được kỳ vọng sẽ tăng do Luật doanh nghiệp mới (sẽ được áp dụng vào ngày 1/07/2015) sẽ khuyến khích đầu tư nhiều hơn. Ngoài ra, Luật kinh doanh BĐS và Luật nhà ở thu hút được nguồn vốn từ nhà đầu tư nước ngoài, trong năm 2015, với triển vọng nhiều hiệp định thương mại lớn sẽ được ký kết như TPP; FTA ... thì nhu cầu thuê mới, mở rộng nhà xưởng tại các khu công nghiệp, đầu tư BĐS sẽ càng có cơ hội phát triển hơn nữa.
- Kết cấu hạ tầng, giao thông tại thành phố lớn như Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh đang được Nhà nước và Chính phủ đầu tư mạnh mẽ và đồng bộ đang tạo sức qua đó thu sẽ hút thêm được nhiều nhà đầu tư cho các dự án bất động sản.

9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của Ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

Xuất khẩu lao động

Theo Cục Quản lý lao động ngoài nước cho biết, từ cuối năm 2013 đến nay, 6 văn bản mới về xuất khẩu lao động đã được ban hành. Trong đó, đáng lưu ý là một số nội dung về quy định tiền ký quỹ theo Thông tư số 21/2013 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đưa lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo Nghị định số 95/2013/NĐ-CP.

Ngoài những quy định mới và chặt chẽ hơn của Nhà nước đối với hoạt động xuất khẩu lao động. Việc cạnh tranh xuất khẩu lao động trên thị trường quốc tế cũng ngày một khốc liệt hơn, và đòi hỏi lao động phải có trình độ, tay nghề và khả năng ngôn ngữ ngày một cao hơn.

Nắm bắt được các chính sách của Chính phủ, cũng như xu hướng về lao động của thị trường quốc tế, Công ty đã tập trung chỉ đạo, cải tiến mô hình quản lý, tăng cường công tác thị trường, chất lượng nguồn lao động, nâng cao thị phần tại các thị trường truyền thống. Ngoài ra, Công ty cũng chú trọng vào hoạt động đào tạo để nâng cao kỹ năng của người lao động. Nhờ đó, hầu hết số lao động Công ty đưa đi làm việc đều đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, tay nghề, ý thức chấp hành pháp luật tốt. Các hợp đồng ký kết với các đối tác nước ngoài đều được thẩm định trước khi ký kết. Nội dung hợp đồng nêu rõ các cam kết về điều kiện làm việc, thu nhập, sinh hoạt, chi phí môi giới phù hợp với quy định, đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ với các đối tác nước ngoài nhằm xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh giữa người lao động và người sử dụng lao động.

Kinh doanh bất động sản

Hiện tại Công ty cổ phần Simco Sông Đà đang triển khai thi công một số công trình, hạng mục công trình thuộc lĩnh vực bất động sản, giao thông và hạ tầng kỹ thuật: Dự án Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, Dự án đường bao Phía Tây, kết cấu hạ tầng kỹ thuật hai bên đường bao phía Tây thành phố Hà Tĩnh. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tham gia nhiều hơn nữa trong các dự án bất động sản, phát triển giao thông và hạ tầng kỹ thuật.

Sự phát triển, phục hồi của nền kinh tế nói chung đang bắt đầu trở lại với sự phát triển của kinh doanh bất động sản - xây dựng, đi đầu là sự phát triển về giao thông và hạ tầng kỹ thuật nhờ đó thúc đẩy sự phát triển của thị trường bất động sản. Với nhiều dự án phát triển giao thông cả đường bộ và đường thủy đang được triển khai thi công và định hướng phát triển đến 2030 đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 353, 356 ngày 25/02/2013, sự phát triển theo định hướng đã được đề ra của Công ty cổ phần Simco Sông Đà bước đầu đã đi đúng hướng và có tiềm năng, triển vọng phát triển mạnh trong những năm tiếp theo.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1. Số lượng và cơ cấu (theo trình độ) người lao động trong Công ty

Tổng số lao động của Công ty đến thời điểm 30/6/2015 là 244 người với cơ cấu như sau:

Bảng 12: Cơ cấu lao động tại thời điểm 31/12/2014 và 30/6/2015

STT	Loại hình lao động	31/12/2014		30/06/2015	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
	Phân loại theo giới tính				
1	Lao động Nam	108	47,8	124	50,8
2	Lao động Nữ	118	52,2	120	49,2
	Tổng cộng	226		244	
	Phân theo trình độ				
1	Trên đại học	10	4,42	10	4,10
2	Đại học	172	76,11	188	77,05
3	Cao đẳng	4	1,77	4	1,64
4	Trung và sơ cấp	11	4,87	11	4,87
5	Công nhân kỹ thuật	15	6,64	17	7,52
6	Công nhân lao động	14	6,19	14	6,19
	Tổng cộng	226		244	
	Phân chia theo loại hình lao động				
1	Cán bộ quản lý	24	10,62	24	9,83
2	Lao động trực tiếp	153	67,70	153	62,70
3	Lao động gián tiếp	49	21,68	67	27,46
	Tổng cộng	226		244	

*(Nguồn: Công ty Cổ phần Simco Sông Đà)***10.2. Chính sách đối với người lao động****a. Chế độ làm việc:**

Thời gian làm việc: 8h/ngày, 5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1,5h. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản. CBCNV được nghỉ lễ và tết 8 ngày theo quy định của Luật Lao động. Đối với CBCNV làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở

lên được nghỉ phép 12 ngày/năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 06 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định còn được hưởng thêm lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBCNV.

b. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Dựa vào nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh hàng năm, Công ty đã xây dựng kế hoạch tuyển dụng để thu hút người lao động có năng lực. Công ty đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng nhân sự đặc biệt cho từng vị trí, song tất cả các vị trí đều có những yêu cầu chung như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao, chủ động trong công việc, ...

Với những chính sách tuyển dụng có hiệu quả, trong những năm qua Công ty đã thu hút và xây dựng được một đội ngũ nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau. Các CBCNV trẻ trung và năng động của Công ty cổ phần Simco Sông Đà luôn được trau dồi kỹ năng, kinh nghiệm từ những chính sách đào tạo của Công ty. Với chủ trương lấy con người làm gốc, Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cấp kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ. Công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, đào tạo ngắn ngày và dài ngày về các nghiệp vụ kinh doanh, đồng thời tổ chức những lớp tập huấn phổ biến công nghệ cho cán bộ kỹ thuật.

c. Chính sách khen thưởng, kỷ luật

Người lao động làm việc có hiệu quả cao, chất lượng phục vụ tốt, Ban Tổng Giám đốc căn cứ vào kết quả lao động, quy chế của Công ty để xét thưởng.

11. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Tỷ lệ cổ tức hai năm gần nhất:

- Năm 2013: Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua việc trả cổ tức năm 2013 bằng tiền mặt cho cổ đông với tỷ lệ 5%.
- Năm 2014: Tuy Công ty hoạt động có lãi nhưng để tạo điều kiện cho việc phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD trong năm 2015, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua việc không trả cổ tức năm 2014.

12. Tình hình tài chính

12.1. Các chỉ tiêu cơ bản

❖ Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh, tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:

- Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2014: 131.034.260.000 đồng.
- Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2014: 190.640.130.326 đồng.
- Tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu: Công ty luôn sử dụng vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu theo đúng các quy định của pháp luật và quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

❖ Trích khấu hao tài sản cố định:

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 6 – 35 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 5 – 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 – 8 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 năm |
| - Tài sản cố định khác | 8 năm |

❖ **Mức lương bình quân****Bảng 13: Mức lương bình quân**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
1	Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	5.900.000	5.600.000	5.900.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Simco Sông Đà)

Mức lương bình quân của CBCNV Công ty nằm ở mức có tính cạnh tranh tương đối so với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn.

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty thực hiện tốt trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013 và năm 2014, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, không có nợ quá hạn.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty thực hiện kê khai, nộp đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật. Các nghĩa vụ thuế của Công ty trong năm 2013, 2014 và Quý II năm 2015 như sau:

Bảng 14: Các khoản phải nộp

ĐVT: Nghìn đồng

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
Thuế GTGT	395.161	-	35.591
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.239.834	602.688	1.588.240
Thuế thu nhập cá nhân	13.149	11.000	44.840
Thuế nhà đất	7.106.683	259.403	402.482
Tổng cộng	9.754.828	873.092	2.071.154

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2013, năm 2014 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý II năm 2015)

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần, theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, mức trích lập hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị.

Bảng 15: Số dư các quỹ

ĐVT: Nghìn đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
1	Quỹ đầu tư phát triển	31.760.059	31.892.306	31.892.305
2	Quỹ dự phòng tài chính	13.011.858	13.011.858	13.011.857
	Tổng cộng	44.771.917	44.904.164	44.904.162

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2013, 2014 đã kiểm toán và BCTC Quý II năm 2015 của Công ty)

❖ Tổng dư nợ vay

Tình hình dư nợ vay của Công ty trong thời gian vừa qua như sau:

Bảng 16: Tổng dư nợ vay

ĐVT: Nghìn đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	Lãi suất
Vay và nợ ngắn hạn		5,160,000	14,881,088	
1	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hà Tây	-	530,231	Lãi suất 8,5%/năm
2	Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	-	6,174,100	Lãi suất 12%/năm
3	Cá nhân	5,160,000	8,176,757	Lãi suất thỏa thuận phù hợp với lãi suất ngân hàng công bố từng thời điểm.
Vay và nợ dài hạn		20,278,575	40,389,390	
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	22,213,041	Giá trị hợp đồng là 3.000.000 USD. Lãi suất được xác định tối thiểu bằng lãi suất tham chiếu và 5%/năm nhưng không thấp hơn sản lãi suất cho vay theo quy định
2	Cá nhân	20,278,575	18,176,349	Lãi suất theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam tại thời điểm gửi tiền
Tổng cộng		25,438,575	55,270,478	

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2013, 2014 đã kiểm toán của Công ty)

Đến thời điểm hiện tại, tất cả các khoản vay và nợ đến hạn của Công ty đều đã được thanh toán đầy đủ kịp thời, không có khoản nợ vay nào quá hạn. Các khoản nợ vay sắp

đến thời hạn thanh toán đều nằm trong kế hoạch tài chính của Công ty và đã được chuẩn bị nguồn tài chính đầy đủ kịp thời.

❖ **Tình hình công nợ hiện nay**

- **Các khoản phải thu**

Bảng 17: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty

ĐVT: Nghìn đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
Các khoản phải thu ngắn hạn				
1	Phải thu khách hàng	6.015.972	5.278.725	5.542.081
2	Trả trước cho người bán	5.519.011	20.717.730	18.008.756
4	Các khoản phải thu khác	11.748.922	11.091.994	34.505.682
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-4.567.597	-4.962.868	-2.260.954
Tổng cộng		18.716.308	32.125.581	55.795.565

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2013, 2014 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý II năm 2015 của Công ty)

- **Các khoản phải trả**

Bảng 18: Chi tiết các khoản phải trả của Công ty

ĐVT: Nghìn đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
Nợ ngắn hạn				
1	Vay và nợ ngắn hạn	5.160.000	14.881.088	23.356.128
2	Phải trả người bán	6.850.072	6.301.278	5.402.955
3	Người mua trả tiền trước	23.430.440	5.411.899	939.051
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	9.754.828	873.092	2.071.154
5	Phải trả người lao động	4.422.877	3.656.347	4.453.152
6	Chi phí phải trả	709.505	1.643.875	268.940
7	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	40.466.386	29.674.130	42.233.974
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	250.407	2.107
9	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-	215.240
Nợ dài hạn		47.279.843	112.635.633	96.428.452
1	Vay và nợ dài hạn	20.278.575	40.389.390	39.848.930
2	Phải trả dài hạn khác	2.619.154	55.745.031	56.579.522
3	Doanh thu chưa thực hiện	24.382.114	16.501.212	-
Tổng cộng		138.073.951	175.327.749	175.371.153

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2013, 2014 đã kiểm toán và BCTC Quý II năm 2015 của Công ty)

12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty**Bảng 19: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2013	Năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	Lần	1,76	2,39	1,93
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,53	0,97	0,90
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	41,23%	47,91%	47,32%
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	70,15%	91,97%	90,18%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	0.54	0.54	0,23
+ Vòng quay tổng tài sản: (Doanh thu thuần/ Tổng tài sản)	Vòng	0.28	0.2	0,1
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,42%	10,26%	14,04%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	2,62%	4,03%	2,59%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	1,54%	2,1%	1,36%
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	13,62%	-1,75%	16,73%
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	VNĐ/CP	394	586	385

Nguồn: Được tính toán dựa trên thông tin của BCTC hợp nhất năm 2013, 2014 đã kiểm toán và BCTC Quý II năm 2015 của Công ty)

Khả năng thanh toán

Các chỉ số đo lường khả năng thanh toán của Công ty năm 2014 tăng so với năm 2013. Khả năng thanh toán tăng do nợ ngắn hạn của Công ty đã giảm 31% trong năm 2014, trong khi đó, tài sản ngắn hạn của Công ty chỉ giảm 6% trong giai đoạn này.

Cơ cấu vốn

Năm 2013 và năm 2014, Công ty duy trì mức vay nợ khá cao. Tổng nợ có xu hướng tăng trong giai đoạn này, từ chiếm hơn 41% trong tổng nguồn vốn của Công ty trong năm 2013 lên 48% trong năm 2014. Do các dự án lớn của công ty đang trong quá trình triển khai nên tài chính Công ty phụ thuộc tương đối vào vay nợ và các khoản chiếm dụng của bên thứ ba.

Năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho không thay đổi, nhưng vòng quay tổng tài sản năm 2014 giảm nhẹ so với năm 2013. Vòng quay tổng tài sản năm 2014 giảm là do doanh thu thuần giảm trong năm 2014 trong khi tổng tài sản của Công ty tăng.

Khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời trong năm 2014 nhìn chung đều tăng so với năm 2013.

13. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng**13.1. Hội đồng quản trị***Bảng 20: Danh sách Hội đồng quản trị của Công ty*

Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
Ông Chu Minh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	1959	010388107
Ông Nguyễn Thiện Mỹ	Thành viên HĐQT	1959	011007446
Ông Võ Anh Linh	Thành viên HĐQT	1980	013569598
Ông Nguyễn Đức Lương	Thành viên HĐQT	1987	186293444
Ông Đặng Đôn Triển	Thành viên HĐQT	1990	183947152

13.1.1. Ông Chu Minh Tuấn – Chủ tịch HĐQT

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 16/02/1959

Nơi sinh: Hà Nội

CMND số: 010388107 cấp ngày 19/4/2012 tại Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số nhà B34 – TT5 Đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy lợi; Thạc sỹ Kinh tế (MBA).

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ</i>
1982 – 1983	Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp Thủy công 1 Công ty Xây dựng Thủy công - Tổng Công ty Xây dựng Thủy điện Sông Đà;
1983 – 1985	Khu trưởng Xí nghiệp Thủy công 1
1985 – 1988	Phó giám đốc thi công Xí nghiệp Thủy công 3 - Công ty Xây dựng Thủy công - Tổng công ty Xây dựng Thủy điện Sông Đà
1989 – 1990	Trợ lý Tổng giám đốc Tổng Công ty XD Sông Đà
1990 – 1993	Phó giám đốc Xí nghiệp Vận tải Thủy Sông Đà - Công ty Xây lắp Vật tư Vận tải Sông Đà 12
1993 – 1996	Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 4 - Công ty Xây lắp VTVT Sông Đà 12 thuộc Tổng công ty Sông Đà
1996 - 10/1997	Phó giám đốc Công ty Sông Đà 12 thuộc Tổng công ty Sông Đà
11/1997 - 9/1998	Phó giám đốc Trung tâm Hợp tác lao động nước ngoài thuộc Tổng công ty Sông Đà
10/1998 - 5/2000	Giám đốc Trung tâm hợp tác lao động nước ngoài - Tổng công ty Sông Đà
6/2000 - 4/2003	Tổng giám đốc Công ty Cung ứng nhân lực quốc tế và thương mại Sông Đà
5/2003 - 5/2005	Tổng giám đốc Công ty CP Cung ứng nhân lực

	quốc tế và Thương mại Sông Đà
6/2005 đến nay	Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần SIMCO Sông Đà

Chức vụ hiện nay tại tổ chức phát hành: **Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần SIMCO Sông Đà**

Chức vụ tại các tổ chức khác:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Đak đoa.
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tự động hóa và công nghệ thông tin Sông Đà.
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần May Xuất khẩu Sông Đà

Số cổ phần nắm giữ: 47.174 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 47.174 cổ phần

Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

13.1.2. Ông Nguyễn Thiện Mỹ – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc điều hành

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 23/08/1959

Nơi sinh: Hà Tây

Số CMND: 011007446, cấp ngày 15/5/2008 tại Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 714 nhà N 1A-B Trung Hoà, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ</i>
4/1982 - 6/1987	Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp xây dựng công nghiệp II, Tổng công ty Sông Đà
6/1987 - 11/1992	Phó trưởng phòng tổ chức lao động Công ty Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng
11/1992 - 11/1993	Chuyên viên chính phòng Tổ chức lao động Tổng Công ty Sông Đà
11/1993 - 12/1993	Phó trưởng phòng Tổ chức lao động đại diện Tổng công ty tại miền Trung
12/1993 - 9/1996	Chuyên viên chính phòng Tổ chức lao động Tổng Công ty tại miền Trung
9/1996 - 11/1997	Trưởng phòng Tổ chức hành chính Công ty xây lắp Năng lượng Sông Đà 11, Tổng Công ty Sông Đà
11/1997 - 6/2000	Chuyên viên chính Trung tâm hợp tác lao động nước ngoài Sông Đà
6/2000 - 6/2005	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cung ứng nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà
6/2005 đến nay	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà

Chức vụ hiện nay tại tổ chức phát hành: ***Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty CP SIMCO Sông Đà***

Chức vụ tại các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Rượu Việt Nam - Thủy Điển

Số cổ phần nắm giữ: 59.342 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 59.342 cổ phần

Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

13.1.3. Ông Võ Anh Linh – Thành viên HĐQT

Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	05 tháng 9 năm 1980
Nơi sinh:	Xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân, tỉnh Nghệ An
CMND số:	013569598 cấp ngày 19/7/2012 tại CA Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số 24, ngõ 84, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội.
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ tài chính Ngân hàng, Cử nhân CNTT
Quá trình công tác:	

<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ năm 2000 - 2004	Sinh viên Đại học Auckland
Từ năm 2004 - 2007	Chuyên viên Tư vấn Cao cấp Công ty Kiểm toán Deloitte.
Từ năm 2007- 2015	Thư ký Ban Tổng Giám đốc, phó Ban Đầu tư kinh doanh, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức phát hành: **Thành viên HĐQT Công ty**

Chức vụ tại các tổ chức khác:

- Phó Ban Đầu tư kinh doanh, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước.

Số cổ phần nắm giữ: Không có

Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

13.1.4. Ông Nguyễn Đức Lương – Thành viên HĐQT

Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	26/8/1987
Nơi sinh:	Nghệ An
Số CMND:	186293444 cấp ngày 13/6/2003 tại Nghệ An
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	P 801 Nhà 9B Khu đô thị Đại Kim, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Hà Nội.
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân tài chính ngân hàng
Quá trình công tác:	

<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ</i>
Tháng 10/2009 – 9/2014	Chuyên viên đầu tư Công ty Asiavantage Global Limited Fund
Từ tháng 5/2012 – 10/2014	Giám đốc điều hành Công ty TNHH Vfpres Việt Nam
Từ tháng 7/2014 đến nay	Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Sông Đà 909
Từ tháng 1/2015 đến nay	Chuyên viên quản lý và thẩm định dự án đầu tư thuộc Tập đoàn Bảo Việt

Chức vụ hiện nay tại tổ chức phát hành: **Thành viên HĐQT**

Chức vụ tại các tổ chức khác: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Sông Đà 909

Số cổ phần nắm giữ: Không có

Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

13.1.5. Ông Đặng Đôn Triển – Thành viên HĐQT

Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	04/05/1990
Nơi sinh:	Hà Nội
CMND:	183947152 cấp ngày 13/6/2009 tại CA Hà Tĩnh
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số 64A, ngõ 72, phố Tôn Thất Tùng, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Cử Nhân Tài chính Ngân hàng
Quá trình công tác:	

<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ năm 2010 – 2014	Sinh viên Đại học Kinh tế Quốc dân
Từ tháng 10/2014 – đến nay	Nhân viên Công ty cổ phần Sông Đà 909

Chức vụ hiện nay tại tổ chức phát hành: **Thành viên HĐQT Công ty**

Chức vụ tại các tổ chức khác: Nhân viên Công ty cổ phần Sông Đà 909

Số cổ phần nắm giữ: Không có

Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

13.2. Ban Kiểm soát**Bảng 21: Danh sách thành viên Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
Bà Đặng Thị Thường	Trưởng Ban kiểm soát	1958	113062140
Ông Nguyễn Thái Dũng	Thành viên Ban kiểm soát	1990	012669 985
Ông Hà Quang Nhân	Thành viên Ban kiểm soát	1958	112237912

13.2.1. Bà Đặng Thị Thường – Trưởng Ban Kiểm soát

Giới tính: Nữ
 Ngày sinh: 27/07/1958
 Nơi sinh: Đông Động – Đông Hưng - Thái Bình
 Số CMND: 113062140 cấp ngày 22/10/1996 tại Hòa Bình
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Đông Hưng, Thái Bình
 Địa chỉ thường trú: Chính Kinh - Nhân Chính - Thanh Xuân - Hà Nội
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
 Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
12/ 1976 - 11/1978	Công nhân Công trường Xây dựng số 3- Công ty Xây dựng Thủy điện Sông Đà
12/1978 - 4/1982	Sinh viên trường Trung học Xây dựng số 1- Bộ Xây dựng
5/1982 - 7/1986	Nhân viên kế toán - Công ty Xây dựng Thủy công - Tổng Công ty Xây dựng Thủy điện Sông Đà
8/1986 - 11/1992	Kế toán trưởng Xí nghiệp Thủy công 3 - Công ty Xây dựng Thủy công
12/1992 - 2/1997	Phó Kế toán trưởng Công ty Xây dựng Sông Đà 6 - Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà
3/1997 - 4/1997	Phó Kế toán trưởng Công ty Xây dựng Sông Đà 7 - Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà

5/1997 - 8/1998	Kế toán trưởng Công ty Sông Đà 21 - Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà
9/1998 - 12/1998	Kiểm toán nội bộ Công ty Sông Đà 15 - Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà
1/1999 - 5/2000	Chuyên viên phòng Kiểm toán nội bộ Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà
6/2000 - 5/2006	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cung ứng nhân lực quốc tế & Thương mại Sông Đà
6/2006 – 7/2014	Phó Tổng giám đốc Công ty CP Cung ứng nhân lực quốc tế & TM Sông Đà - Tổng Công ty Sông Đà; Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2008 -2013

Chức vụ hiện nay tại tổ chức phát hành: ***Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần SIMCO Sông Đà.***

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Thủy điện ĐăkĐoa.

Số cổ phần nắm giữ: 43.993 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 43.993 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Những người liên quan đang nắm giữ CP : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

13.2.2. Ông Nguyễn Thái Dũng – Thành viên BKS

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 17 tháng 10 năm 1990

Nơi sinh: Hà Nội

CMND số: 012 669 985 cấp ngày 02/8/2012 tại CA Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: Số 44-BT1 khu X2 Bắc Linh Đàm mở rộng, Q. Hoàng Mai, Hà Nội.
 Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Tài chính Ngân hàng
 Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ tháng 9/2008 – 7/2012	Sinh viên Đại học Kinh tế Quốc dân.
Từ tháng 8/2012 – 12/2012	Chuyên viên phân tích Tài chính, Công ty cổ phần Chứng khoán Mekong.
Từ tháng 1/2013 – 1/2014	Chuyên viên Tư vấn Tài chính doanh nghiệp, Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia.
Từ tháng 2/2014 – đến nay	Chuyên viên Đầu tư Tài chính, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước.

Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên BKS Công ty

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chuyên viên Đầu tư Tài chính, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

13.2.3. Ông Hà Quang Nhân – Thành viên BKS

Giới tính: Nam
 Ngày sinh: 02/02/1958
 Nơi sinh: Châu Giang, Duy Tiên, Hà Nam
 CNMD số: 112237912
 Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng dân dụng

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ</i>
1982 – 1985	Kỹ thuật trực hiện trường - Công ty Xây dựng Dân dụng, Tổng công ty Sông Đà
1985 – 1988	Phó GD Xí nghiệp số 2 - Công ty Xây dựng Dân dụng, Tổng công ty Sông Đà
1988- 1998	GD Xí nghiệp số 2 - Công ty Xây dựng Dân dụng, Tổng công ty Sông Đà
1/1999 – 12/1999	GD Chi nhánh Hà Nội - Công ty Xây dựng Sông Đà 2, Tổng công ty Sông Đà
2000 – 2002	Chuyên viên phòng Kinh tế kế hoạch - Công ty Xây dựng Sông Đà 2
2003 – 2005	Trưởng phòng Đầu tư - Công ty Xây dựng Sông Đà 2
2005 – 2006	Trưởng phòng KTKH - Công ty Xây dựng Sông Đà 2
2006 – 2007	Phó Ban quản lý dự án Khu CN Phụng Hiệp - Công ty CP SIMCO Sông Đà
11/2007-4.2013	Trưởng phòng Kỹ thuật Kinh tế Kế hoạch – Công ty CP SIMCO Sông Đà
5/2015 đến nay	Thành viên Ban Kiểm soát, Trưởng phòng Kỹ thuật Kinh tế Kế hoạch – Công ty CP SIMCO Sông Đà

Chức vụ hiện nay tại tổ chức phát hành: ***Thành viên Ban Kiểm soát, Trưởng phòng Kỹ thuật Kinh tế Kế hoạch – Công ty CP SIMCO Sông Đà***

Chức vụ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: Không

Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần: Không

Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

13.3. Ban Tổng Giám đốc

Bảng 22: Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
Ông Nguyễn Thiện Mỹ	Tổng Giám đốc	1959	011007446
Ông Nguyễn Ngọc Thạch	Phó Tổng giám đốc	1976	013287576
Ông Nguyễn Trọng Đạt	Phó Tổng giám đốc	1969	011399439

13.3.1. Ông Nguyễn Thiện Mỹ – Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT (như trên)

13.3.2. Ông Nguyễn Ngọc Thạch – Phó Tổng Giám đốc

Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	23/02/1976
Nơi sinh:	Tuyên Quang
CMND:	013287576
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	P 402- A9 Thanh Xuân Bắc, Q.Thanh Xuân, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân ngoại ngữ
Quá trình công tác:	

Thời gian	Chức vụ
Từ 3/ 2003– 7/2005	Nhân viên Phòng Thị trường Hàn Quốc - Công ty SIMCO Sông Đà
Từ 8/2005- 7/2007	Phó Phòng Thị trường Hàn Quốc - Công ty SIMCO Sông Đà
Từ 8/2007- 2/2008	Giám đốc Trung tâm Tư vấn Du học - Công ty SIMCO Sông Đà
Từ 3/2008- 8/2012	Giám đốc Trung tâm XKLD Số 3 - Công ty SIMCO Sông Đà
Từ 8/2012- nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty SIMCO Sông Đà

Chức vụ hiện nay tại tổ chức phát hành: **Phó Tổng Giám đốc Công ty CP
SIMCO Sông Đà**

Chức vụ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 105 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 105 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần:

- Bà Ngô Thị Hòa

+ Mối quan hệ: Vợ

+ Số cổ phiếu nắm giữ: 163 cổ phiếu

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

13.3.3. Ông Nguyễn Trọng Đạt – Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 09/10/1969

Nơi sinh: Hà Nội

CMND: 011399439

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: TT 124 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ</i>
1992 – 1993	Làm tự do
1993 – 1994	Làm kỹ thuật tại Công ty XD và PTNT 3
1995 – 6/2009	Công ty Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội
7/2009 – 03/2010	Phó Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng SIMCO Sông Đà
03/2010 – 02/2011	Trưởng phòng Đầu tư Công ty CP SIMCO Sông Đà
02/2011 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần SIMCO Sông Đà

Chức vụ hiện nay tại tổ chức phát hành: **Phó Tổng Giám đốc Công ty CP
SIMCO Sông Đà**

Chức vụ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: Không

Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

13.4. Kế toán trưởng

13.4.1. Phạm Thị Hiếu – Kế toán trưởng

Giới tính:	Nữ
Ngày sinh:	30/03/1975
Nơi sinh:	Yên Bái
CMND:	011951907
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	14/7 Phố Ao Sen, Phường Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán doanh nghiệp
Quá trình công tác:	

<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ 1996 – 2000	Nhân viên Phòng Tài chính kế toán Công ty Sông Đà 2
Từ 2000 – 2003	Phó kế toán trưởng Công ty Sông Đà 2
Từ 2003 – 2006	Phó kế toán trưởng Công ty Sông Đà 1
Từ 2006 – 2011	Phó kế toán trưởng Công ty Cổ phần SIMCO Sông Đà
Từ 2011 – 2012	Trưởng ban kiểm soát CTCP SIMCO Sông Đà
Từ 2012 đến nay	Kế toán trưởng CTCP SIMCO Sông Đà

Chức vụ hiện nay tại tổ chức phát hành: **Kế toán trưởng CTCP SIMCO Sông Đà**

Chức vụ tại các tổ chức khác: Trưởng ban kiểm soát CTCP Khoáng sản SIMCO - FANSIPAN

Số cổ phần nắm giữ:	Không
Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

14. Tài sản

Bảng 23 : Tài sản cố định của Công ty

Đơn vị: Nghìn đồng

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
30/06/2015				
I	Tài sản cố định hữu hình			
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	56.150.327	13.447.308	42.703.019
2	Máy móc, thiết bị	1.459.885	1.409.495	50.390.
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3.844.390	3.383.989	460.400
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	302.239	302.239	0
5	Tài sản cố định khác	305.826	136.984	168.841
Tổng cộng		62.062.669	18.680.018	43.382.651
31/12/2014				
I	Tài sản cố định hữu hình			
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	56.150.328	12.548.865	43.601.463
2	Máy móc, thiết bị	1.459.886	1.381.836	78.049
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3.844.390	3.331.339	513.052
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	302.240	302.240	-
5	Tài sản cố định khác	305.826	117.870	187.955
Tổng cộng		62.062.670	17.682.150	44.380.519
31/12/2013				
I	Tài sản cố định hữu hình			
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	56.150.328	10.728.449	45.421.878
2	Máy móc, thiết bị	1.538.387	1.352.130	186.256
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3.844.390	3.226.037	618.354
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	278.275	278.275	-
5	Tài sản cố định khác	305.826	79.642	226.184
Tổng cộng		62.117.206	15.664.533	46.452.672

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2013, 2014 đã kiểm toán và BCTC Quý II năm 2015 của Công ty)

15. Kế hoạch lợi nhuận cổ tức năm tiếp theo**Bảng 24: Kế hoạch lợi nhuận cổ tức năm 2015**

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015	% tăng giảm so với 2014
1	Vốn chủ sở hữu (nghìn đồng)	190.616.650	317.869.710	66,76%
2	Doanh thu thuần (nghìn đồng)	74.898.602	94.638.000	26,35%
3	Lợi nhuận sau thuế (nghìn đồng)	7.681.241	39.898.000	419,42%
4	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	10,26%	42,16%	31,9%
5	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn Chủ sở hữu (%)	4,03%	12,55%	8,52%
6	Cổ tức (%)	0%	10%	10%

15.1. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2015

Kế hoạch của Công ty được xây dựng dựa trên tình hình hoạt động và triển khai các hợp đồng đang thực hiện, sẽ thực hiện và tiềm năng phát triển ngành trong tương lai, cụ thể như sau:

Bảng 25: Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2015*DVT: tỷ đồng*

TT	Hoạt động	Giá trị ghi nhận doanh thu – lợi nhuận			
		Năm 2014		Dự kiến năm 2015	
		Doanh thu	Lợi nhuận	Doanh thu	Lợi nhuận
1	Kinh doanh bất động sản	36,658	2,29	40,8	20,5
2	Xuất khẩu lao động và các dịch vụ khác	35,700	2,1	41,938	6,998
3	Hoạt động xây dựng	2,540	(0,51)	-	-
4	Hoạt động tài chính	-	-	11,9	8
5	Lợi nhuận từ công ty liên kết		3,8		4,4
Tổng cộng		74,898	7,68	94,638	39,898

Kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty như sau: doanh thu 6 tháng đầu năm 2015 là 35,9 tỷ đồng đạt 37,93% kế hoạch năm, lợi nhuận sau thuế là 5,04 tỷ đồng đạt 12,63% kế hoạch năm. Kế hoạch lợi nhuận các quý còn lại được Công ty dự kiến phân bổ như sau:

STT	6 tháng đầu năm 2015	Quý 3/2015	Quý 4/2015	Tổng
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	5,04	2,487	32,371	39,898

15.2. Các biện pháp đạt được kế hoạch nêu trên:

- **Hoạt động xuất khẩu lao động:** Duy trì và phát triển hoạt động xuất khẩu lao động luôn đứng trong top 5 trong các doanh nghiệp xuất khẩu lao động Việt Nam. Tập trung vào các thị trường truyền thống, bao gồm Đông Bắc Á, Trung Đông. Nghiên cứu đầu tư phát triển một số thị trường mới với yêu cầu phải phù hợp với trình độ và các yếu tố liên quan khác đối với lao động Việt Nam.
- **Hoạt động kinh doanh bất động sản:** Tập trung vào mảng phát triển nhà ở đơn lẻ, cải tạo chung cư cũ phù hợp với khả năng tài chính của công ty. Phát huy lợi thế trong quan hệ với đối tác nước ngoài, nghiên cứu các hình thức hợp tác đầu tư đối với các dự án quy mô lớn, tận dụng tiềm lực tài chính của đối tác.
- **Khai thác và chế biến khoáng sản:** Tập trung vào khai thác mỏ đá marble của công ty tại Myanmar và xuất khẩu sang các thị trường Trung Đông, Châu Âu, Đài Loan, Nhật Bản, Trung Quốc,...
- **Hoạt động khác:** Duy trì hoạt động, đảm bảo kinh doanh có hiệu quả các ngành nghề liên quan. Đối với hoạt động đào tạo, xây dựng kế hoạch mở rộng liên doanh, liên kết với đối tác nước ngoài trong việc đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu của xã hội và cung cấp lao động có tay nghề cho thị trường ngoài nước. Về hoạt động tư vấn du học: phối hợp cùng với xuất khẩu lao động và Trường Cao đẳng nghề để tận dụng lợi thế của hệ thống, tập trung vào hình thức du học tự túc tại khu vực Đông Bắc Á, Singapore và Cộng hoà Liên bang Nga, phù hợp với khả năng của du học sinh Việt Nam.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán IB đã tiến hành thu thập các thông tin; nghiên cứu, phân tích và đánh giá một cách cẩn trọng và hợp lý về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần SIMCO Sông Đà.

Căn cứ trên năng lực hiện tại và triển vọng phát triển trong tương lai, nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong năm tới là phù hợp và khả thi, kế hoạch trả cổ tức cho cổ đông của Công ty có thể được đảm bảo thực hiện.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

17. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán

Không có

V. CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH**1. Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông**2. Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu**3. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành****3.1. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành:** 13.103.258 cổ phiếu

Trong đó:

- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho các cổ đông hiện hữu: 4.367.752 cổ phiếu
- Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua: 8.735.506 cổ phiếu

3.2. Đối tượng phát hành:

Cổ đông hiện hữu: Là các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền.

4. Giá chào bán dự kiến:

Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/cổ phiếu

5. Phương pháp tính giá:

Hội đồng quản trị Công ty ước giá trị sổ sách 1 cổ phần tại thời điểm 31/12/2014 để làm cơ sở cho việc xác định giá chào bán cổ phiếu:

STT	Khoản mục	Giá trị
1	Tổng tài sản tại 31/12/2014 (đồng)	365.967.879.389
2	Nợ phải trả tại 31/12/2014 (đồng)	175.327.749.063
3	Tài sản vô hình tại 31/12/2014 (đồng)	-
4	Số cổ phần đang lưu hành (cổ phần)	13.103.258
5	Giá trị sổ sách 1 cổ phần tại 31/12/2014 (đồng/cổ phần) {5 = (1-2-3)/4}	14.549

Nguồn: CTCP SIMCO Sông Đà

Căn cứ vào chiến lược phát triển và nhu cầu vốn của Công ty, đồng thời, để khuyến khích cổ đông hiện hữu gắn bó và đóng góp cho sự phát triển của Công ty nên Hội đồng Quản trị Công ty đề xuất giá chào bán cho cổ đông hiện hữu bằng 68,74% giá trị sổ sách một cổ phần của Công ty tại thời điểm 31/12/2014, tương đương với 10.000 đồng/cổ phiếu. Trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị về giá chào bán, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Simco Sông Đà đã thống nhất thông qua giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu bằng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ- ĐHĐCĐ ngày 22/04/2015.

6. Phương thức phân phối

- ❖ Phát hành thêm 4.367.752 cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền là 3:1, cụ thể như sau:
 - Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền nhận cổ phiếu và cứ 03 quyền nhận sẽ được nhận 01 cổ phiếu mới phát hành thêm theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu mới chào bán thêm, cổ đông Nguyễn Văn A đang sở hữu 58 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ nhận được số cổ phiếu mới tương ứng là $(58:3) \times 1 = 19,33$ cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị, cổ đông A sẽ nhận được số cổ phiếu mới là 19 cổ phiếu. Phần cổ phiếu lẻ 0,33 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.
 - Quyền nhận cổ phiếu không được phép chuyển nhượng.
 - Đặc điểm cổ phiếu được chia: Cổ phiếu phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu và là cổ phiếu đã được thanh toán đầy đủ tiền mua và không bị hạn chế chuyển nhượng.
 - Nguồn vốn thực hiện: Số tiền 43.677.520.000 đồng dùng để phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu được lấy từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ dự phòng tài chính đến 31/12/2014 trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần SIMCO Sông Đà. Số tiền cụ thể lấy từ từng nguồn như sau:
 - *Lấy từ Quỹ đầu tư phát triển số tiền là: 31.892.305.811 đồng (Số liệu Quỹ này tại ngày 31/12/2014 trên BCTC hợp nhất 2014 đã kiểm toán là: 31.892.305.811 đồng)*

- Lấy từ Quỹ dự phòng tài chính số tiền là: 11.785.214.189 đồng (Số liệu Quỹ này tại ngày 31/12/2014 trên BCTC hợp nhất 2014 đã kiểm toán là: 13.011.857.996 đồng)
- ❖ Chào bán 8.735.506 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua với tỷ lệ 3:2, cụ thể như sau:
 - Cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu tại ngày hưởng quyền sẽ được 01 quyền mua, cứ 03 quyền mua sẽ được mua 02 cổ phiếu mới chào bán thêm theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu mới chào bán thêm, cổ đông Nguyễn Văn A đang sở hữu 58 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ được mua số cổ phiếu mới chào bán thêm tương ứng là $(58:3) \times 2 = 38,6$ cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị, cổ đông A sẽ được mua số cổ phiếu mới là 38 cổ phiếu.
 - Công ty sẽ phối hợp với Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) phân phối và thông báo quyền mua cho các cổ đông thông qua các công ty chứng khoán - thành viên lưu ký của VSD.
 - Trường hợp cổ đông chưa lưu ký, Công ty sẽ thông báo và phân bổ quyền mua trực tiếp đến từng cổ đông.
 - Cổ đông sở hữu quyền mua cổ phiếu có thể chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác trong thời gian quy định trong thông báo phát hành gửi đến các cổ đông hiện hữu và chỉ chuyển nhượng 01 (một) lần, người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba.
 - Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận giá chuyển nhượng quyền mua và tự thanh toán tiền chuyển nhượng.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Thời gian chào bán và phân phối cổ phần cho cổ đông hiện hữu dự kiến sẽ được thực hiện trong vòng 90 ngày kể từ ngày được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép chào bán.

Thời gian cụ thể sẽ được nêu chi tiết trên Thông báo phát hành chứng khoán khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

- ❖ Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến cho cổ đông hiện hữu:

STT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Nhận được giấy phép chào bán chứng khoán ra công chúng từ UBCKNN	D
2	Thông báo chốt danh sách cổ đông gửi tới Trung tâm Lưu ký (TTLK) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội để triển khai	D+2
3	Công bố thông tin về đợt chào bán trên báo điện tử hoặc báo viết trong 03 số liên tiếp	D+2 đến D+7
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền	D+12
5	Ngày đăng ký cuối cùng	D+14
6	Phối hợp cùng TTLK phân bổ và thông báo danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu đến các thành viên lưu ký và các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán	D+18 đến D+24
7	Các cổ đông hiện hữu tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền và nộp tiền mua cổ phần	D+25 đến D+45
8	TTLK tổng hợp việc thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu gửi danh sách cổ đông thực hiện quyền mua và chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa.	D+53
9	TCPH xử lý cổ phiếu không phân phối hết	D+54 đến D+64
10	Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả đợt phát hành.	D+65
11	Nộp hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký giao dịch/niêm yết bổ sung.	D+67
13	Trao trả giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu cho các cổ đông chưa lưu ký.	D+67

- ❖ Đối với cổ phiếu phát hành tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu: Dự kiến thực hiện ngay sau khi UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu SDA ra công chúng, thực hiện đồng thời cùng với danh sách cổ đông được chốt để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

❖ Đối với chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu:

Công ty sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong Bản thông báo phát hành và đảm bảo thời gian đăng ký và nộp tiền mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo đúng quy định. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.

Danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách là cơ sở đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần mới chào bán theo tỷ lệ được mua đã quy định.

- Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phần tại các thành viên lưu ký: Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phiếu mới phát hành tại thành viên lưu ký đó.
- Đối với cổ đông chưa thực hiện lưu ký: thì việc đăng ký mua, chuyển nhượng quyền mua tại Trụ sở Công ty Cổ phần Simco Sông Đà, và nộp tiền mua cổ phiếu mới phát hành vào tài khoản phong tỏa của Công ty:

- Tên Tài khoản: Công ty Cổ phần Simco Sông Đà
- Số tài khoản: 45010003010248
- Mở tại: Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu Tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây

❖ Xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu còn dư của đợt chào bán (nếu có):

- Đối với cổ phiếu phát hành thêm để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ (nếu có) sẽ bị huỷ bỏ.
- Đối với cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị. Toàn bộ số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống đến hàng đơn vị và số cổ phiếu các cổ đông không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện quyền mua không hết (nếu có) sẽ do HĐQT quyết định chào bán cho các đối tượng khác (kể cả các cổ đông của Công ty có nhu cầu tăng sở hữu cổ phần) theo những điều kiện phù hợp với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu (nghĩa là không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu).

- Trong trường hợp tiếp tục phân phối cho các đối tượng khác nhưng vẫn không phân phối hết thì Công ty thực hiện tăng vốn theo số lượng vốn góp thực tế của các cổ đông và các nhà đầu tư. Số vốn còn thiếu sẽ được huy động từ các nguồn vốn khác.

9. Phương thức thực hiện quyền

Đây là trường hợp Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phiếu phổ thông và chào bán số cổ phiếu đó cho tất cả cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty.

Cổ đông sau khi nhận được thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu, thực hiện quyền mua (chuyển nhượng quyền mua và đăng ký mua cổ phiếu), quyền nhận theo hướng dẫn tại mục V.6, V.7 và V.8 của Bản cáo bạch này.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài. Theo Nghị định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài được nắm giữ “tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty cổ phần đại chúng”. Như vậy, tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu niêm yết của Công ty.

11. Các hạn chế có liên quan đến chuyển nhượng

Quyền mua của cổ đông hiện hữu được phép chuyển nhượng trong thời gian quy định, và chỉ được chuyển nhượng 01 lần. Nghĩa là người nhận chuyển nhượng không được phép chuyển nhượng lại cho người thứ ba.

Đối với cổ đông nhận quyền nhận cổ phiếu theo hình thức phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: quyền nhận cổ phiếu không được phép chuyển nhượng.

12. Các loại thuế có liên quan

Những trình bày tóm tắt về các loại thuế có liên quan dưới đây nhằm mục đích tham khảo và có thể còn thiếu sót các loại thuế khác theo quy định của pháp luật. Người sở hữu cổ phần tự nộp thuế theo các quy định của pháp luật.

a. Thuế thu nhập doanh nghiệp

▪ Theo Luật thuế thu nhập Doanh nghiệp:

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế TNDN) với thuế suất bằng 22% lợi nhuận thu được.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

b. Thuế thu nhập cá nhân

Theo Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân số 26/2012/QH13 ngày 22/11/2012 và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/06/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân thì nhà đầu tư cá nhân phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với các thu nhập phát sinh từ đầu tư chứng khoán như sau:

- Thu nhập từ đầu tư vốn: tiền lãi cho vay, lợi tức cổ phần và thu nhập từ đầu tư vốn dưới các hình thức khác, kể cả trường hợp góp vốn đầu tư bằng hiện vật, danh tiếng, quyền sử dụng đất, phát minh, sáng chế; trừ thu nhập nhận được từ lãi trái phiếu Chính phủ.

- Thu nhập từ chuyển nhượng vốn: thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn trong các tổ chức kinh tế, thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán, thu nhập từ chuyển nhượng vốn dưới hình thức khác.
- Thu nhập từ thừa kế là chứng khoán, phần vốn trong các tổ chức kinh tế, cơ sở kinh doanh, ...
- Thu nhập từ nhận quà tặng là chứng khoán, phần vốn trong các doanh nghiệp,...

13. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu

- Tên Tài khoản: Công ty Cổ phần Simco Sông Đà
- Số tài khoản: 45010003010248
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Đầu Tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2015, Công ty Cổ phần SIMCO Sông Đà tiến hành đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng nhằm huy động vốn để đầu tư vào Dự án khai thác mỏ Mông Sơn VII và xây dựng nhà máy nghiền bột đá hoa trắng tại Yên Bái, Dự án đầu tư, khai thác và chế biến đá marble mỏ Nayputaung – Rakhine – Myanmar và bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Phương án khả thi

2.1. Dự án đầu tư khai thác mỏ đá Mông Sơn VII và xây dựng nhà máy sản xuất bột đá hoa trắng siêu mịn tại Yên Bái

❖ **Chủ đầu tư:** Công ty cổ phần Khoáng sản SIMCO – FANSIPAN (SIFACO)

- Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
- Điện thoại: 029 6250 767
- Fax: 029 6250 772
- Người đại diện: Ông Nguyễn Anh Tuấn – Tổng Giám đốc.
- Công ty cổ phần SIMCO Sông Đà có tỷ lệ góp vốn cam kết vào Công ty cổ phần Khoáng sản SIMCO – FANSIPAN là 45%.

❖ **Cơ quan tư vấn lập dự án:**

- Viện khoa học và công nghệ mỏ - luyện kim.

❖ **Cấp có thẩm quyền phê duyệt:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (Giấy phép khai thác khoáng sản số 2644, cấp ngày 21/11/2014).
- Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái (Giấy chứng nhận đầu tư số 16103100060, cấp ngày 05/10/2010).
- Ban quản lý các khu công nghiệp (Giấy chứng nhận đầu tư số 162031000009, cấp ngày 09/08/2010).

❖ **Mục đích dự án:**

- Đầu tư khai thác mỏ đá hoa trắng Mông Sơn VII để cung cấp nguyên liệu đá hoa trắng làm bột carbonat canxi cho Nhà máy sản xuất bột đá hoa trắng của doanh nghiệp đầu tư xây dựng tại Khu công nghiệp phía Nam, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

❖ Tóm tắt quy mô dự án:

- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Mông Sơn, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
- Quy mô dự án: Đầu tư khai thác mỏ đá hoa trắng Mông Sơn VII với công suất: 650.000 tấn đá hoa trắng nguyên khai/năm.
- Diện tích đất dự kiến sử dụng: 38,1 ha
 - + Diện tích đất khai thác: 17,6 ha
 - + Diện tích đất xây dựng các công trình phụ trợ phục vụ khai thác: 20,5 ha
- Dự án đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 2644/GP-BTNMT ngày 21/11/2014 và được đăng ký Nhà nước tại Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam ngày 31/03/2015.

❖ Cơ sở lý luận và thực tiễn:

- Suốt nhiều thập kỷ qua, các tính năng vật lý và hoá học của bột đá cacbonat canxi đã được ứng dụng nhiều trong các ngành công nghiệp khác nhau, từ vật liệu xây dựng đến hoá mỹ phẩm, dược phẩm. Nhu cầu tiêu thụ bột đá vôi trắng siêu mịn của nước ta trong năm 2009 là hơn 1 triệu tấn, dự báo đến năm 2020 nhu cầu sử dụng sẽ lên 2,7 triệu tấn. Hiện nay nước ta có khoảng 20 Nhà máy sản xuất bột đá trắng siêu mịn với công suất khoảng 840.000 tấn/năm, nằm chủ yếu tại 2 vùng có nguyên liệu đá vôi trắng là Yên Bái và Nghệ An. Tuy nhiên, khả năng sản xuất của các Nhà máy trên cả nước chỉ đáp ứng được khoảng 70% nhu cầu thị trường trong nước, đặc biệt là mặt hàng bột đá siêu mịn đã được tráng phủ hiện nay đang có nhu cầu rất cao. Vì vậy hàng năm Việt Nam phải nhập khẩu hàng trăm nghìn tấn bột đá siêu mịn đã qua tráng phủ từ Thái Lan, Indonexia,... Bên cạnh đó, thị trường quốc tế cũng có nhu cầu rất cao, điều kiện thanh toán tốt, đơn hàng ổn định nên hàng hoá Việt Nam cũng có nhiều cơ hội xuất khẩu ra nước ngoài.
- Mỏ Mông Sơn là mỏ đá hoa trắng có chất lượng và trữ lượng hàng đầu của Việt Nam, hiện nay đang được nhiều cơ sở thăm dò, khai thác và chế biến (cổ đông của Công ty cổ phần khoán sản SIMCO – FANSIPAN được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thăm dò trên diện tích 17,6 ha trong khu mỏ). Công nghệ khai thác và chế biến bột đá (cả sản phẩm siêu mịn và tráng phủ) không quá phức tạp, đã áp dụng sản xuất thành công nhiều nơi ở Việt Nam. Việc đầu tư cơ sở khai thác và chế biến bột đá không những góp phần nâng cao sự phát triển của Công ty, giảm nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu, mà còn giải quyết được vấn đề việc làm cho đội ngũ lao động địa phương sẵn có, đóng góp vào

ngân sách địa phương, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế công nghiệp địa phương, biến lợi thế về tài nguyên của địa phương thành tiềm lực kinh tế phát triển. Việc đầu tư khai thác và chế biến bột đá trắng là cần thiết, phù hợp với quy hoạch phát triển của Nhà nước nói chung và tỉnh Yên Bái nói riêng.

- Qua các phân tích về điều kiện thực tế khu mỏ, khả năng năng lực của Công ty và tình hình thị trường tiêu thụ cho thấy dự án xây dựng cơ sở khai thác và chế biến bột đá tại Yên Bái có tính khả thi cao.

❖ **Sản phẩm, thị trường tiêu thụ**

- Sản phẩm của dự án và dự kiến thị trường tiêu thụ:
 - Sản phẩm của dự án là bột đá hoa trắng siêu mịn (tên hoá học là: CaCO₃) đây là nguyên liệu quan trọng để sản xuất phụ gia trong các ngành công nghiệp nhựa, cao su, hoá, mỹ phẩm. Dự kiến sản phẩm của dự án sẽ cung cấp cho các nhà máy trong nước hiện đang rất thiếu nguyên liệu.

❖ **Kế hoạch triển khai:**

- Dự kiến quý III năm 2015 bắt đầu khai thác mỏ. Hoàn thành xây dựng Nhà máy chế biến bột đá siêu mịn và bắt đầu sản xuất thử từ tháng 12 năm 2015.

❖ **Đối tác tham gia:**

- Chủ đầu tư là Công ty cổ phần Khoáng sản SIMCO – FANSIPAN, trong đó Công ty cổ phần SIMCO Sông Đà có tỷ lệ góp vốn cam kết vào Công ty cổ phần Khoáng sản SIMCO – FANSIPAN là 45%.

❖ **Các vấn đề về tài chính:**

- Tổng mức đầu tư: 270.000.000.000 đồng.
- Vốn chủ đầu tư : 60.000.000.000 đồng
- Vốn vay Ngân hàng: 210.000.000.000 đồng
- Giá trị hiện tại thực (NPV) = 70.209.598.000 đồng
- Hệ số hoàn vốn nội tại (IRR): 27,18%
- Thời gian thu hồi vốn: 4,59 năm

2.2. Dự án đầu tư khai thác và chế biến đá Marble mỏ Nayputaung – bang Rakhine, Myanmar

❖ **Chủ đầu tư:** Công ty cổ phần Simco Sông Đà

- Địa chỉ giao dịch: Toà nhà SIMCO Sông Đà – Tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc – Phường Vạn Phúc – Quận Hà Đông – Hà Nội
- Người đại diện: Ông Nguyễn Thiện Mỹ - Tổng Giám đốc

❖ **Cơ quan tư vấn lập dự án: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình vật liệu xây dựng**

- Địa chỉ giao dịch: Số 235 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
- Website: www.ccbm-jsc.com.vn

❖ **Cấp có thẩm quyền phê duyệt:**

- Bộ Kế hoạch và Đầu Tư (Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 335, cấp ngày 30/03/2010, điều chỉnh lần 1 ngày 17/08/2012).
- Ủy ban Đầu tư Myanmar (Giấy phép số 470/2012 ngày 12/03/2012).

❖ **Mục đích dự án:**

- Khai thác và chế biến đá Marble Mỏ NayPuTaung cung cấp đá khối, đá ốp lát xuất khẩu ra thị trường thế giới.
- Tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động trong và ngoài nước.
- Góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước Myanmar.
- Góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế của bang Rakhine – Myanmar.

❖ **Tóm tắt quy mô dự án:**

- Địa điểm dự án: Mỏ NayPuTaung, Thị trấn Taungup, Bang Rakhine, Myanmar.
- Diện tích khu mỏ: 2,3703 km²
- Công suất Dự án:
 - + Sản xuất đá Block: 30.000 m³
 - + Sản xuất đá ốp lát: 100.000 m²/năm (năm thứ 4)
- Diện tích sử dụng đất: Khu khai thác Mỏ có tổng diện tích là 2,37 km² (237ha), bao gồm: Khai trường, bãi chứa đá khối, văn phòng, đường giao thông và các công trình phụ trợ khác.

❖ **Cơ sở lý luận và thực tiễn:**

Myanmar là một đất nước nằm trong vùng kinh tế trọng điểm thuộc khối ASEAN, với vị trí thuận lợi và là một khu vực quan trọng trong chương trình phát triển kinh tế chung của toàn khối ASEAN. Trước bối cảnh chung đó, Myanmar đã không ngừng đẩy mạnh phát triển kinh tế toàn diện các ngành, trong đó ngành khai thác khoáng sản nói chung và khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng nói riêng giữ vị trí quan trọng.

• **Hiện trạng nhu cầu thị trường:**

Đất nước Myanmar đang trong quá trình phát triển, đặc biệt với tốc độ phát triển nhanh tại các thành phố do đó nhu cầu đá ốp lát, đá khối ngày càng tăng. Nhiều

công trình công nghiệp, mỹ thuật, xây dựng cao cấp đòi hỏi phải có sản phẩm đá ốp lát, đá khối chất lượng cao. Hiện tại tốc độ phát triển ngành xây dựng Myanmar là khá lớn và trong tương lai còn phát triển mạnh hơn nữa.

Không chỉ nhu cầu trong nước đòi hỏi tăng mà nhu cầu đá khối, đá ốp lát trên thị trường thế giới cũng rất lớn. Theo thống kê nhu cầu thị trường những năm gần đây sản lượng tiêu thụ đá Block tại châu Á, châu Âu lên tới 100.000.000 m³/năm và một lượng lớn đá ốp lát. Sản lượng nhu cầu tiêu thụ đá Block một số nước được tóm tắt như sau:

Bảng 26: Sản lượng và nhu cầu tiêu thụ đá khối (block)

STT	Tên nước	Sản lượng (m ³ /năm)	Khả năng đáp ứng nhu cầu (%)
1	Australia	12.000.000	62
2	Trung Quốc	5.500.000	73
3	Ấn Độ	25.000.000	55
4	Indonesia	8.340.000	57
5	Nhật Bản	12.500.000	68
6	Malaysia	6.680.000	54
7	New Zealand	3.200.000	43
8	Hàn Quốc	8.850.000	78
9	Đài Loan	11.460.000	65
10	Thái Lan	9.850.000	68
11	Việt Nam	1.500.000	41
	Tổng cộng	104.880.000	

• **Phân tích dự báo nhu cầu**

Thị trường tiêu thụ đá ốp lát, đá block là thị trường đầy tiềm năng, cả trong nội bộ Myanmar và xuất khẩu cho các ngành, lĩnh vực khác như: Kiến trúc, mỹ thuật, vật liệu trang trí, v.v... và căn cứ vào hiện trạng nhu cầu thị trường được nêu trên, cũng như mức tăng trưởng bình quân của Myanmar và các nước châu Á, châu Âu

là 7% đối với lĩnh vực xây dựng và 8% đối với lĩnh vực chế biến công nghiệp. Dự án dự tính nhu cầu và mức độ tăng trưởng như sau:

Bảng 27: Nhu cầu tiêu thụ đá block và dự kiến tăng trưởng

STT	Ngành	Mức tiêu thụ trên tổng sản lượng (%)	Dự kiến tăng trưởng (%)
1	Ngành xây dựng, vật liệu	54	9,5
2	Ngành mỹ thuật	32	8,8
3	Các ngành khác	14	7,5

• **Khả năng thị trường**

Trên cơ sở dự báo nhu cầu thị trường cho thấy nhu cầu tiêu thụ đá ốp lát và đá Block ngày càng tăng trưởng. Kim ngạch xuất nhập khẩu đá ốp lát toàn cầu tăng nhanh năm 2007 kim ngạch xuất khẩu toàn cầu dự kiến 26 tỉ USD tăng 2 lần so với năm 2001.

Bảng 28: Kim ngạch xuất khẩu đá ốp lát toàn cầu

ĐVT: Triệu USD

Năm	2001	2002	2003	2004	2005	2007
Xuất khẩu	8.626	7.276	8.127	9.372	10.500	12.500
Nhập khẩu	7.222	7.386	8.600	10.007	11.200	13.500

Trước tình hình đó và được sự đồng ý của chính phủ Việt Nam, Myanmar. Công ty cổ phần Simco Sông Đà tiến hành đầu tư sản xuất với tổng công suất Đá Block: 30.000m³ đá block/năm, đá ốp lát: 100.000m² và được chia làm hai giai đoạn đầu tư. Công suất dự kiến như sau:

- Giai đoạn I: Đầu tư Xí nghiệp khai thác mỏ có công suất (trong 20 tháng đầu tiên của dự án)
 - Đá khối 30.000 m³/năm
- Giai đoạn II: Từ tháng thứ 24 đến tháng thứ 36 của dự án sẽ đầu tư Nhà máy sản xuất đá ốp lát có công suất
 - Đá ốp lát 100.000 m²/năm

• **Dự kiến thị trường tiêu thụ**

Phân tích môi trường bên trong của Doanh nghiệp

Điểm mạnh

- Công ty cổ phần SIMCO Sông Đà là doanh nghiệp đã được hình thành lâu đời, bộ máy quản lý, sản xuất có hệ thống và năng động. Mặt khác ngoài việc đầu tư ở Myanmar thì Công ty đã đầu tư sản xuất một số mỏ có điều kiện tương tự tại tỉnh Yên Bái, Việt Nam. Do đó có kinh nghiệm đầu tư và sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực khai thác khoáng sản
- Công ty có các chính sách linh động, nhạy bén với thị trường và có năng lực tài chính mạnh mẽ
- Đội ngũ cán bộ công nhân viên trẻ, có trình độ chuyên môn, được đào tạo bài bản, am hiểu về hoạt động khoáng sản và quản lý theo dõi môi trường
- Các chính sách tiếp thị và tiêu thụ sản phẩm đa dạng, phong phú và hoàn toàn có thể linh hoạt hơn so với các đơn vị trong thị trường Myanmar
- Các thiết bị khai thác, chế biến được nhập mới đảm bảo khai thác với hiệu quả cao, hạn chế được tổn thất và mức độ ảnh hưởng đến môi trường thấp nhất

Điểm yếu

- Chủ đầu tư là một doanh nghiệp ngoài nước nên trong quá trình triển khai và sản xuất có những bất cập do phải tìm hiểu chính sách và luật pháp của Myanmar

Phân tích môi trường bên ngoài của doanh nghiệp

Yếu tố thuận lợi

- Đá block, đá ốp lát theo nhu cầu còn thiếu hụt, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển cơ sở hạ tầng trong những năm tới. Hiện tại các doanh nghiệp khai thác, chế biến và kinh doanh tại Myanmar còn ít, không đủ cung cấp cho nhu cầu trong nước.
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Myanmar nói riêng và thế giới nói chung đang ở mức cao, mức đầu tư cho công nghiệp, xây dựng ngày càng tăng, tốc độ phát triển cơ sở hạ tầng và đầu tư lớn, nhu cầu xây dựng dân dụng cũng tăng trưởng mạnh. Do đó, nhu cầu về đá Block, đá ốp lát sẽ tiếp tục tăng mạnh trong những năm tới. v.v...

Yếu tố khó khăn

- Thị trường kinh doanh tiêu thụ sản phẩm trong thời gian đầu mới đi vào sản xuất sẽ có những khó khăn nhất định khi chưa tạo được thương hiệu, khẳng định chất lượng sản phẩm. Khó khăn này là vấn đề thường gặp của các đơn vị mới đi vào sản xuất. Việc này được khắc phục trong thời gian sớm nhất.

- **Lựa chọn thị trường tiêu thụ**

- Sản phẩm của dự án:
 - + Đá Block đủ quy cách để xuất khẩu sang các thị trường: Trung Quốc, Đài Loan, Hồng Kong, Ấn Độ, Nhật Bản, Việt Nam...
 - + Đá ốp được chế biến từ đá của mỏ sẽ tiêu thụ trong nội địa.
- Trên cơ sở phân tích những điểm mạnh và điểm yếu, những yếu tố thuận lợi và khó khăn ở trên, dự kiến thị trường tiêu thụ cho Dự án là xuất khẩu.

- ❖ **Kế hoạch triển khai**

Hoàn thành đầu tư toàn bộ Dự án trong vòng 36 tháng (bắt đầu từ ngày 17 tháng 03 năm 2012), trong đó:

- Hoàn thành đầu tư Xí nghiệp khai thác mỏ: Từ tháng thứ 1 đến tháng thứ 20
- Hoàn thành đầu tư Nhà máy sản xuất đá ốp lát: Từ tháng thứ 24 đến tháng thứ 36.

- ❖ **Các vấn đề về tài chính**

- | | |
|----------------------------------|-------------------------------|
| - Tổng mức đầu tư: | 18.147.000 USD |
| - Vốn chủ đầu tư: | 6.000.000 USD – chiếm 33,06% |
| - Vốn vay ngân hàng: | 12.147.000 USD – chiếm 66,94% |
| - Giá trị hiện tại ròng (NPV): | 49.195.184,9 USD |
| - Tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR): | 24,40% |
| - Thời gian thu hồi vốn: | 6 năm 7 tháng |

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN**1. Tổng nguồn vốn dự kiến thu được từ đợt phát hành và chào bán cổ phiếu****Bảng 29: Chi tiết nguồn vốn dự kiến thu được từ đợt phát hành và chào bán cổ phiếu**

TT	Nội dung	Số cổ phiếu	Giá bán (đồng/cp)	Số tiền (đồng)	Nguồn thực hiện
1	Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu	4.367.752		43.677.520.000	Lấy từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ dự phòng tài chính đến 31/12/2014 trên BCTC hợp nhất năm 2014 đã kiểm toán của SDA
2	Chào bán cho cổ đông hiện hữu	8.735.506	10.000	87.355.060.000	Thu từ cổ đông hiện hữu
	Tổng cộng	13.103.258		131.032.580.000	

Như vậy, số tiền Công ty dự kiến thu được từ đợt chào bán là 87.355.060.000 đồng. Đây là số tiền thu được từ việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Còn số tiền 43.677.520.000 đồng để phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu được lấy từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ dự phòng tài chính đến 31/12/2014 trên BCTC hợp nhất năm 2014 đã kiểm toán của Công ty.

2. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

Số tiền thu được từ đợt chào bán là 87,36 tỷ đồng và số tiền trích từ nguồn vốn chủ sở hữu đến 31/12/2014 để phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ là 43,68 tỷ đồng (tổng cộng là 131 tỷ đồng), sẽ được sử dụng vào các mục đích sau:

Bảng 30: Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Lấy từ số tiền thu được từ chào bán cho cổ đông hiện hữu	Lấy từ nguồn nguồn vốn chủ sở hữu đến 31/12/2014	Cộng
1	Đầu tư dự án khai thác mỏ Mông Sơn VII và xây dựng nhà máy nghiền bột đá hoa trắng tại Yên Bái	5.000.000.000	-	5.000.000.000

TT	Nội dung	Lấy từ số tiền thu được từ chào bán cho cổ đông hiện hữu	Lấy từ nguồn nguồn vốn chủ sở hữu đến 31/12/2014	Cộng
2	Dự án đầu tư, khai thác và chế biến đá marble mỏ Nayputaung – Rakhine – Myanmar	35.355.060.000	43.677.520.000	79.032.580.000
3	Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	47.000.000.000	-	47.000.000.000
	Tổng cộng	87.355.060.000	43.677.520.000	131.032.580.000

3. Chi tiết kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán:

3.1. Đầu tư dự án khai thác mỏ Mông Sơn VII và xây dựng nhà máy nghiền bột đá hoa trắng tại Yên Bái

- Công ty Cổ phần SIMCO Sông Đà đầu tư vào dự án này thông qua việc góp vốn vào Công ty Cổ phần Khoáng sản SIMCO - FANSIPAN với tỷ lệ góp vốn là 45%, tương ứng với số tiền phải góp là $45\% \times 60 \text{ tỷ} = 27 \text{ tỷ}$ đồng. Đến 31/12/2014 Công ty đã góp được 16 tỷ đồng. Công ty dự kiến sẽ sử dụng 5 tỷ đồng thu được từ đợt chào bán để tiếp tục góp vốn vào dự án nhằm mục đích đền bù giải phóng mặt bằng và thi công đường khai thác mỏ Mông Sơn VII.

3.2. Dự án đầu tư, khai thác và chế biến đá marble mỏ Nayputaung – Rakhine – Myanmar

- Tháng 10/2015:
 - + Mua 06 máy cắt dây kim cương: 224.652 USD tương đương: 4.905.950.376 đồng.
 - + Mua 01 máy xúc đào: 384.000 USD tương đương: 8.385.792.000 đồng.
 - Tháng 10/2015 đến tháng 12/2015:
 - + Đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến đá tại Yangon (chi phí xây dựng): 1.010.317,69 USD tương đương: 22.063.317.624 đồng.
- Tổng cộng : 35.355.060.000 đồng.

3.3. Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 22/4/2015 của Công ty đã thông qua kế hoạch giá trị sản xuất kinh doanh năm 2015 là 111 tỷ đồng. Ban lãnh đạo Công ty đã xây dựng kế hoạch vốn lưu động năm 2015 với vòng quay vốn lưu động là 02 vòng. Như vậy:

+ Nhu cầu vốn lưu động cần thiết sẽ là: $111 \text{ (tỷ đồng)} : 2 \text{ (vòng)} = 55,5 \text{ tỷ đồng}$

+ Vốn lưu động Công ty hiện có là: 8,5 tỷ đồng

+ Nhu cầu vốn lưu động thiếu hụt cần bổ sung = $55,5 \text{ (tỷ đồng)} - 8,5 \text{ (tỷ đồng)} = 47 \text{ (tỷ đồng)}$.

Do đó để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015, Công ty có kế hoạch sử dụng 47 tỷ đồng từ số tiền thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu để bổ sung vốn lưu động nhằm thực hiện được kế hoạch năm 2015 đã đề ra.

HĐQT Công ty sẽ kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng vốn đảm bảo hiệu quả và đem lại lợi ích cho Công ty và cho các cổ đông.

4. Phương án xử lý trong trường hợp đợt chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến:

Tỷ lệ chào bán thành công dự kiến là 100%. Trường hợp đợt chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến, phần vốn còn thiếu, Công ty dự kiến sẽ huy động từ các nguồn vốn khác để thực hiện các nội dung trong kế hoạch sử dụng vốn.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C

Trụ sở chính: Số 02 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. HCM

Điện thoại: (84-8) 35472972 Fax: (84-8) 35472971

Website: www.a-c.com.vn

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tại Hà Nội

Địa chỉ: 40 Giảng Võ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3736 7879 Fax: (84-4) 3736 7869

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB

Trụ sở chính: Tầng 8, 52 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Số điện thoại: (84-4) 4456 8888 Fax: (84-4) 3978 5380

Website: <https://ibx.vn>

Ý kiến của Tổ chức Tư vấn về đợt chào bán:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22/04/2015, Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tiến hành đăng ký phát hành thêm 13.103.258 cổ phiếu nhằm huy động vốn để đầu tư vào Dự án khai thác mỏ Mông Sơn VII và xây dựng nhà máy nghiền bột đá hoa trắng tại Yên Bái, Dự án đầu tư, khai thác và chế biến đá marble mỏ Nayputaung – Rakhine – Myanmar và bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công ty dự kiến phát hành thêm 4.367.752 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 3:1, chào bán 8.735.506 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 3:2 với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu. Giá giao dịch cổ phiếu của Công ty trên thị trường tháng 6 – tháng 7 năm 2015 bình quân là 10.551 đồng/cổ phiếu. Với triển vọng thị trường chứng khoán đang có những dấu hiệu phục hồi sau những biến động vừa qua, cùng với kết quả kinh doanh năm 2014 và kế hoạch kinh doanh năm 2015 khả quan của Công ty, Tổ chức tư vấn cho rằng Công ty có khả năng thành công trong đợt chào bán.

IX. PHỤ LỤC

1. Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh.
2. Điều lệ công ty.
3. Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2013 đã được kiểm toán.
4. Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2014 đã được kiểm toán.
5. Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính công ty mẹ Quý II năm 2015.
6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng, phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán và niêm yết bổ sung cổ phiếu chào bán.
7. Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng.
8. Nghị quyết HĐQT thông qua chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán và Nghị quyết HĐQT thông qua số lượng cổ phiếu phát hành thêm.
9. Tài liệu liên quan đến việc sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán.

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2015

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



CHU MINH TUẤN

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THIỆN MỸ

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



ĐẶNG THỊ THƯỜNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM THỊ HIẾU

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB**

TỔNG GIÁM ĐỐC



CAO THỊ HỒNG